

NHỮNG SAI LẦM TAI HẠI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM ĐỐI VỚI DÂN TỘC VÀ PHẬT GIÁO VIỆT-NAM

Hòa Thượng Thích Quảng Độ

I. ĐỐI VỚI DÂN TỘC

Ai cũng biết, chủ nghĩa cộng sản do Karl Marx hoàn thành nhằm tiêu diệt chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới và, sau cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất, Lenin đã thành công trong việc thiết lập chế độ cộng sản tại nước Nga vào năm 1917. Kể từ đó, nhất là sau đại chiến thế giới lần thứ hai và bắt đầu cuộc chiến tranh lạnh, thế giới đã chia làm hai phe rõ rệt là Cộng sản và Tư bản đối nghịch nhau một cách không khoan nhượng. Phe cộng sản do Liên-Xô lãnh đạo, phe tư bản do Hoa-Kỳ cầm đầu. Phe cộng sản nhằm ‘đào mộ chôn sống phe tư bản’ để làm bá chủ thế giới, vì cộng sản là phong trào quốc tế.

Cộng sản chủ trương độc tài chuyên chính, do giai cấp công nhân lãnh đạo, gây căm thù đấu tranh giai cấp giữa kẻ giàu người nghèo, hứa hẹn lấy của nhà giàu chia cho người nghèo để mang lại cơm no áo ấm cho họ và dùng cách mạng bạo lực để thực hiện mục đích ấy – sức mạnh phát ra từ nòng súng là châm ngôn. Cộng sản cũng chủ trương tiêu diệt tôn giáo, vì họ là những người vô thần duy vật, và tôn giáo đối với họ, cũng như Karl Marx đã nói, là ‘thuốc phiện’ của loài người mà bọn tư bản đã lợi dụng để ru ngủ nhân dân lao động hòng dễ bề bóc lột. Người dân Nga đã từng sống trong cảnh nghèo khổ và bị áp bức dưới chế độ Nga hoàng từ lâu, khi được nghe chủ trương và những lời hứa hẹn như trên đây thì tất nhiên là đã tán thành chủ nghĩa cộng sản, nhờ thế mà cộng sản đã thành công tại Nga.

Nhưng nói thế nhất thiết không có nghĩa là cái gì tốt cho nước Nga cũng sẽ tốt cho Việt-Nam. Mỗi nước có những vấn đề riêng của nó và những vấn đề ấy phải được giải quyết theo bối cảnh lịch sử, văn hóa và phong tục tập quán của mỗi nước. Cái bất hạnh cho dân tộc Việt-Nam là những người cộng sản Việt-Nam đã không ý thức được điều đó.

Như vừa nói ở trên, thế giới đã chia làm hai phe cộng sản và tư bản, hễ ở đâu, nhất là các nước thuộc địa nhược tiểu ở Phi-Châu, Á-Châu và Mỹ-Châu La-tinh mới giành được độc lập sau thế chiến thứ hai, theo cộng sản thì tư bản núp dưới chiêu bài ‘Chống cộng sản để bảo vệ thế giới tự do’ mà can thiệp vào công việc nội bộ của nước ấy. Cũng thế, nếu theo tư bản thì cộng sản lại cũng núp dưới chiêu bài ‘Giải phóng dân tộc’ để bành trướng chủ nghĩa cộng sản. Việt-Nam là một trường hợp.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, hầu hết các nước thuộc địa ở Á-Châu đều được độc lập và đa số chẳng theo phe nào, cho nên dân các nước ấy được sống trong hòa bình để

xây dựng đất nước và củng cố nền độc lập còn non trẻ của họ, chỉ có nước Việt-Nam là khốn khổ vì chiến tranh tàn phá suốt hai mươi chín năm trời (1946-1975) là bởi những người cộng sản đã đưa vận mệnh của nước Việt-Nam ràng buộc vào với sự sống còn và quyền lợi của phe cộng sản quốc tế. Giá như những người Việt-Nam thời kỳ ấy không là cộng sản quốc tế mà vì dân tộc thật sự, như những Nehru của Ấn-Độ, Sukarno của Nam-Dương hay Nasser của Ai-Cập v.v... thì dân tộc Việt-Nam đã có thể tránh được hai mươi chín năm chiến tranh ý thức hệ quốc cộng tương tàn do các thế lực ngoại bang chi phối!

Năm 1946, thực dân Pháp trở lại Việt-Nam với hy vọng chiếm lại thuộc địa cũ. Nhưng, như mọi người còn nhớ, sau thế chiến thứ hai, nước Pháp đã kiệt quệ, làm gì còn đủ khả năng để thực hiện giấc mơ ấy? Song phe tư bản đã chi tiền của và súng đạn để nhờ thực dân Pháp ‘ngăn chặn cộng sản tiến xuống vùng Đông-Nam-Á để bảo vệ thế giới tự do’, vì Việt-Nam là thuộc địa cũ của Pháp, cho nên người Pháp có lý do để trở lại hơn là các nước tư bản khác trực tiếp nhảy vào. Ngược lại, cộng sản Việt-Nam cũng kêu gọi toàn dân đứng lên chống đế quốc xâm lược để ‘bảo vệ tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa’. Thế là Việt-Nam đã nghiêm nhiên trở thành đấu trường để hai phe cộng sản và tư bản đọ sức.

Để tạo cho mình một lý do chính đáng, người Pháp đã đưa cựu hoàng Bảo-Đại về dựng lên một chính phủ bảo hoàng chống cộng để bảo vệ độc lập quốc gia, dùng người Việt bắn giết người Việt, thế là cảnh ‘nồi da xáo thịt’ bắt đầu và kéo dài mãi đến năm 1975 (sẽ nói sau). Khôn nổi, bên cạnh những ông bảo hoàng ấy là các ông mũi lõ, mắt thau, tóc quăn da đen, thì người dân Việt yêu nước nào mà tin được là các ông hoàng ấy ‘bảo vệ độc lập quốc gia’? Về điểm này, phe cộng sản khôn hơn phe tư bản, họ dùng ngay người bản xứ, họ chỉ cho vay tiền bạc, súng đạn và cố vấn ở hậu trường mà thôi, chứ họ không đưa quân lính các nước cộng sản khác đến trực tiếp chiến đấu ngoài chiến trường. Bởi thế, những người cộng sản bản xứ đã tạo cho mình được cái vẻ ‘chính nghĩa chống ngoại xâm’, cho nên tuyệt đại đa số nhân dân tin và hết sức ủng hộ vì lòng yêu nước. Vì lẽ đã tám mươi hai năm phải sống dưới ách thống trị của thực dân Pháp, bây giờ đánh đuổi quân Pháp để giành độc lập thì ai mà chẳng hoan nghênh và sẵn sàng hy sinh, cho nên cuối cùng cộng sản đã thắng.

Sau cuộc thảm bại tại trận Điện Biên Phủ, người Pháp thấy không còn đủ sức theo đuổi chiến tranh, mà nếu cứ tiếp tục, thì rồi sẽ có thể mất luôn cả nước Pháp vì nợ nần chồng chất. Do đó, năm 1954, Pháp đã thỏa hiệp với cộng sản Việt-Nam chia đôi đất nước Việt-Nam theo Hiệp định Genève, cắt vĩ tuyến 17 trở ra Bắc cho cộng sản để Pháp rút quân về, sau chín năm bắt giết đốt phá.

Sau khi Pháp rút đi, cộng sản tiếp thu Hà-Nội và cai trị toàn miền Bắc, bắt đầu thực hiện chủ nghĩa cộng sản (mà trong thời kháng chiến chưa dám làm vì sợ mất lòng dân) và chuẩn bị cho cuộc căm thù đấu tranh giai cấp, tức là đã đánh đuổi được kẻ thù bên ngoài rồi, bây giờ phải thanh toán những kẻ thù bên trong. Những kẻ thù bên trong ấy là ai? Đó là: Trí, Phú, Địa, Hào, Tôn giáo, Lưu manh và phải ‘đào tận gốc tróc tận rễ’. Nghĩa là trí thức – đặc biệt là Quốc-Dân Đảng – người giàu, địa chủ, cường hào, tôn giáo, lưu manh, đào tận gốc tróc tận rễ có nghĩa là phải tiêu diệt cho bằng hết! Và cuộc căm thù đấu tranh

giai cấp ấy đã diễn ra năm 1956, dưới hình thức cải các ruộng đất và ‘ôn nghèo gọi khổ’ kéo dài suốt sáu tháng trời.

Mỗi xã hội có một đội cải cách do Trung ương Đảng phái về, gồm toàn người xa lạ, từ miền Trung ra. Những người miền Bắc thì được phái vào miền Trung, vì những người khác xứ như thế sẽ không có tình cảm địa phương và dễ bề thẳng tay tàn ác mà không sợ bị nhận diện. Khẩu hiệu của đội cải cách là: ‘Nhất đội nhì trời’. Cũng như trong miền Nam năm 1975, cộng sản đang trong cái khí thế ‘thừa thắng xông lên’, tại các công trường làm thủy lợi, cộng sản trương khẩu hiệu ‘Thăng trời đứng ra một bên, để cho thủy lợi tiến nên thay trời!’ và ‘vắt đất ra nước, thay trời làm mưa’, còn gì nông cuồng hơn! Một ông vua thời phong kiến bất quá cũng chỉ xưng là ‘thiên tử’ (con trời), nhưng ngày nay đội cải cách của Đảng cộng sản còn là ‘bố trời’ và mọi người nếu muốn kêu xin điều gì phải nói: “Con cúi đầu xin đền trời soi xét.” Oái ăm thay! Một Đảng chính trị như Đảng Cộng sản Việt-Nam chủ trương đánh đổ vua chúa phong kiến, thực dân đế quốc để mang lại độc lập tự do hạnh phúc cho toàn dân, thì giờ đây nghiêm nhiên lại là bố trời! Quyền lực và lợi lộc làm hư hỏng con người đến thế!

Khi đội về xã nào thì họ đến ở trong các nhà nghèo nhất xã, xưa nay chuyên đi cày thuê cuốc mướm, hoặc ở chẵn trâu cày cỏ cho nhà giàu, hoặc là người làm mướm trong xã. Những người này được gọi là ‘thành phần cốt cán’ và được đội cải cách giao cho công việc ‘nghiên cứu điều tra’ xem ai là địa chủ, cường hào, phú nông, trí thức (tức đảng viên Quốc-Dân Đảng), nếu ai rơi vào những thành phần ấy thì bị bắt giam riêng ở một nơi để chờ ngày đem ra đấu tố và coi như đã nắm chắc cái chết trong tay rồi. Trong thời gian các khổ chủ bị giam được canh gác rất cẩn mật, thân nhân không ai được đến gần, nếu đến cũng bị tội lây. Sở dĩ đội cải cách giao cho những người nghèo nhất xã làm công việc quan trọng như vậy là vì những người nghèo khổ hay mang lòng ghen ghét oán hận, đúng như kinh Phật đã nói ‘bần khổ đa oán’ (nghèo khổ nhiều oán), cho nên dễ bị kích động để trở thành căm thù, mà có căm thù thì cuộc tố khổ mới thành công.

Sau khi thành phần cốt cán nghiên cứu điều tra xong, đội cải cách quyết định ngày giờ đưa các khổ chủ ra đấu tố. Các khổ chủ được đưa đến đấu trường mà đội là ‘tòa án nhân dân’, thường là ở giữa cánh đồng hoặc trên một bãi đất trống rộng. Ở giữa đấu trường, một cái đài cao được dựng lên (như lễ đài) dành cho đội cải cách và ‘bồi thẩm đoàn’ (dĩ nhiên là những người nghèo nhất và mù chữ trong xã) của tòa án nhân dân ngồi. Các khổ chủ cúi đầu quỳ ở dưới, hai tay bị trói giặt về sau lưng. Khi đội cải cách luận tội, có điều gì oan ức muốn kêu, thì các khổ chủ phải nói: “Con cúi đầu xin đền trời soi xét...” Ngày ấy tất cả dân trong xã (mỗi gia đình chỉ được để một người già ở nhà giữ nhà) phải đến dự để tố khổ chủ (tất nhiên là họ đã được học tập trước rồi). Đại khái họ kể: “Ngày trước chúng mày đã bóc lột chúng tao, cho chúng tao vay nặng lãi; ngày giỗ ngày tết chúng tao phải đưa gà, trứng gà, thịt lợn gạo nếp đến biếu chúng mày, tính đến nay đã có tới hàng ngàn hàng vạn con gà, quả trứng; làm thuê cho chúng mày thì chúng mày cho chúng tao ăn đói, lại còn đánh đập hành hạ chúng tao, v.v... và v.v...” Có nhiều trường hợp con tố cha, vợ tố chồng, trò tố thầy, anh em họ hàng tố lẫn nhau vì những nguyên nhân bất hòa trong gia đình trước kia. Tố xong, tòa án nhân dân định tội và kết án

tử hình, tất cả đám đông ở dưới phải hô to ba lần: “Tử hình! Tử hình! Tử hình!” vừa hô vừa dơ tay đám lên hư không ba cái. Thế rồi khổ chủ bị bịt mắt lại đưa đến trói vào cây cột đã được dựng sẵn và đội hành quyết gồm năm người đứng nhắm bắn, khổ chủ gục đầu xuống và kết liễu một cuộc đời! Người ta kể có trường hợp bắn đi bắn lại mấy lần khổ chủ mới chết. Sau một hồi vỗ tay hoan hô, đám đông lần lượt ra về, để rồi ngày mai đi hoan hô nữa, hết xã này đến xã khác! Sau đó, tài sản của các khổ chủ tử hình, gọi là ‘quả thực’ được chia cho thành phần cốt cán, người được giao nhà, người được cái giường, cái bàn, cái ghế, cái hòm, cái cối xay, cối giã, cái cày cái bừa, bát đĩa nồi niêu, dần sàng rổ rá, cho đến cái chổi cùn, rế rách... nghĩa là có cái gì chia cái ấy.

Như đã nói ở trên, cuộc đấu tranh căm thù giai cấp diễn ra suốt sáu tháng trời, trên toàn miền Bắc chết chóc quá nhiều, đến bảy trăm nghìn người trong đó, có nhiều trường hợp, như một cán bộ đã nói với tôi nguyên văn như sau: “Cộng sản chặt đầu cộng sản mới đau chứ” đến nỗi Đảng Cộng sản Việt-Nam đã phải ra lệnh sửa sai và, cũng người cán bộ kể trên đã nói: “Hô chủ tịch đã đích thân đứng ra xin lỗi nhân dân.” Nhưng có điều mỉa mai ở đây là Đảng Cộng sản Việt-Nam thường tự hào không bao giờ bị sai lầm, thậm chí, hồi tôi bị cộng sản giam trong nhà tù Phan-Đăng-Lưu ở Bà-Chiều Gia-Định năm 1977, tôi được nghe bài hát trên loa đài, ca tụng Đảng là ‘chân lý’, Đảng là ‘mặt trời’, thế sao lại phải sửa sai! Một điều đau đớn nữa là dù có sửa sai, có xin lỗi thì bảy trăm nghìn con người cũng đã mất mạng và tài sản của họ cũng đã tiêu tan rồi!

Tuy nhiên, vẫn chưa hết chết chóc. Vì sau khi sửa sai, người ta lại chém giết nhau nữa. Chả là, trong thời gian tố khổ, có nhiều người vì thù oán riêng tư, đã ‘mượn gió bẻ măng’ dựa vào cuộc đấu tố mà tố bậy, tố oan để trả thù. Do đó, khi sửa sai, thân nhân của những khổ chủ đã chết vì bị tố oan, trở lại giết những kẻ tố oan để trả thù? Chẳng hạn như trường hợp một anh ‘cốt cán’ ở một xã nọ bị cụt mất ngón tay trở từ thuở nhỏ, đến thời cải cách tố khổ, anh ta dùng cái ngón tay cụt ấy mà tố đến mười người. Đối với người nào anh ta cũng nói: “Tao ở chẵn trâu cật cỏ cho mày, mày đã cho dẫn đoi và không trả công thì chớ, mày lại còn chặt ngón tay tao!”. Sau anh này bị giết lại trong thời gian sửa sai. Con số những người chết trong trường hợp này cũng khá nhiều. Thật là một bầu không khí căm thù ngút trời mà từ bốn nghìn năm lịch sử chưa từng có.

Sự cụ chùa Long-Khánh xã Vũ-Đoài – nơi tôi bị quản thúc hơn mười năm nay (1982-1992) bị tố là đảng viên Quốc-Dân đảng và bị giam hai tháng, đến khi sửa sai mới được tha, không thì cũng chết. Còn một người nọ, tuy nghèo phải đi làm công, nhưng rất thật thà nhân hậu, cho nên người chủ nhà cũng thương tình, mỗi khi túng thiếu vay thóc ăn thì người chủ cho vay mà không lấy lãi. Đến thời cải cách, người ta buộc ông phải tố người chủ, ông ta đành phải lên tố. Ông ta nói: “Tao nghèo khổ phải đi làm thuê làm mướn cho mày, mày cho tao ăn hai bữa cơm no, tối về mày còn trả công tao đấu gạo; khi tao túng thiếu đến vay thóc mày, thì mày cho vay không, không lấy lãi...” Đội cải cách phải cho người ra lời cổ ông ta xuống, không cho tố nữa. Lại ở một xã nọ, ông linh mục bị đưa ra đấu tố, người đứng ra tố là một bà đánh đá nhất xã, bà ta tên Đức. Khi ông linh mục quý giữa đấu trường, bà Đức (Đức là thất đức) đứng trước xia xói vào mặt linh mục chửi thậm tệ, rồi bà ta nói: “Tu hành gì mày, có mà tu hú; tu gì mà ăn những thịt gà cá gỡ cho

béo vào, cái mặt phèn phet ra thế kia kia rồi đi theo cộng sản mà làm hại dân hại nước!” Lập tức đội cải cách sai người lên kéo bà ta ra, nhưng bà còn đang hăng máu, không chịu ra và nói: “Chưa hết! Nó còn nhiều tội lắm, chưa tố hết.” Nhưng một người bịt miệng bà ta và một người cầm tay lôi bà ta ra. Có lẽ bà ta đã được dạy nói là “đi theo quốc gia, theo Tây mà làm hại dân hại nước”, nhưng lúc đó bà đang hăng say, quên bẵng đi mà nói lộn là ‘đi theo cộng sản’ chẳng? Sau đó ông linh mục được đưa đi và cho đến nay (1992) vẫn chưa về!

Kể từ sau ngày cải cách và đầu tố trở đi, những thân nhân họ hàng của địa chủ, cường hào, trí thức, sư, linh mục bị gọi là thằng nọ con kia và mỗi khi ra đường gặp bất cứ người nông dân lớn bé già trẻ nào, cũng phải khoanh tay cúi đầu chào: “Con xin chào ông nông dân, con xin chào bà nông dân!” Người ta kể chuyện một em bé gái sáu tuổi bé em trai đi chơi, một bà già thân nhân của địa chủ gặp và khoanh tay cúi đầu chào: “Con xin chào bà nông dân bé ông nông dân đi chơi!” Thật là chuyện cười ra nước mắt. Chưa hết, sự cụ chùa Long-Khánh xã Vũ-Đoài, sau khi được tha về, hôm ấy là ngày 15, cụ nấu xôi cúng Phật, cụ đang đem xôi vào đĩa, mấy bà già tít đồ trong xã, trông thấy, họ nói: “Mày không được đem xôi cúng Phật, đồ phản động dơ dái! Việc của mày ở ngoài vườn. Để xôi đó cho chúng tao đem, ra vườn làm cỏ!” Ôi luân thường đạo lý! “Than ôi! Văn minh Đông-Á trời thâu sạch, này lúc cương thường đảo ngược ru?” (Tản Đà). Nhà thơ đã biết trước, nhưng may cũng đã qua đời, khỏi phải chứng kiến cảnh đau lòng.

Kể từ sau ngày cải cách, tôn ti trật tự xã hội đảo lộn, luân thường đạo lý đổ nát, vì cảnh con tố cha, vợ tố chồng, anh em họ hàng tố lẫn nhau, tất cả giá trị tinh thần truyền thống đều sụp đổ. Cuộc cải cách này và cuộc chiến tranh ý thức hệ huynh đệ tương tàn rùng rã hai mươi chín năm, khiến ba triệu người chết, bốn triệu người bị thương và nửa triệu trẻ em sinh quái thai là một cái giá quá đắt mà dân tộc Việt-Nam phải trả để đổi lấy một học thuyết phi nhân và vô luân mà nay nó đã bị loại bỏ ngay trên mảnh đất nó đã được thí nghiệm lần đầu tiên cách đây bảy mươi tư năm (1917-1991). Những ai phải chịu trách nhiệm cho thảm họa ấy?

Trên đây tôi chỉ kể lại sơ qua mấy nét tổng quát về cuộc đầu tố thôi, còn những chi tiết liên quan đến cách làm việc, những thủ đoạn khủng bố, cách đối xử với các khổ chủ trong thời gian họ bị giam cầm trước khi chính thức đưa ra đầu trường để bị tố và xử bắn, thì thật khủng khiếp, không thể diễn tả được, chỉ có thể nói cũng tương tự như cái gọi là ‘the Reign of Terror’ trong cuộc Cách mạng Pháp 1793-94 vậy.

Sau khi đã thanh toán những kẻ thù ‘có nợ máu’ với nhân dân rồi, Đảng cộng sản Việt-Nam hứa với nhân dân sẽ xây dựng một xã hội công bằng, ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng như ai, không có kẻ giàu người nghèo, không còn nạn người bóc lột người, không ai phải làm thuê làm mướn cho ai, nông nghiệp sẽ được cơ giới hóa toàn quốc; các cụ già sáu mươi tuổi trở lên, không còn sức lao động, sẽ có ‘an dưỡng đường’, mỗi cụ một căn phòng khang trang đẹp đẽ, có người phục vụ chu đáo. Xã hội cộng sản sẽ không có ăn mày, trộm cướp, đĩ điếm, nghiện ngập, hút xách, ai cũng có công ăn việc làm, không có

nạn thất nghiệp, tóm lại là một thiên đường trên mặt đất. Và sau này trên mặt đất nếu dân số tăng lên đông quá, không đủ chỗ ở, thì sẽ đưa bớt lên mặt trăng!

Để thực hiện lời hứa lấy ruộng của địa chủ chia cho nông dân, Đảng Cộng sản đã chia ruộng cho dân một cách đồng đều và cấp bằng ‘sở hữu chủ’ hẳn hoi. Bằng sở hữu chủ phải được cắm ngay trên thửa ruộng của mình để chứng tỏ quyền sở hữu của mỗi người. Và để thực hiện không ai làm thuê làm mướn cho ai, Đảng bảo dân thành lập tổ năm nhà hoặc hơn tùy ý, hợp lại với nhau, rồi hôm nay cày cấy cho nhà này, ngày mai cày cấy cho nhà khác, cứ như thế cho đến hết lượt. Thuế nông nghiệp lúc này rất nhẹ. Nhân dân vui mừng lắm, nói theo danh từ thời thượng là rất u ‘hồ hởi phấn khởi’. Từ bao đời nay, bây giờ ‘on Bác on Đảng’, người nông dân mới thực sự có được mảnh ruộng và làm chủ mảnh ruộng của mình. Đời sống nông dân trong giai đoạn ấy tương đối sung túc, cho nên dân rất tin yêu đảng. Nhưng tiếc rằng sự hồ hởi phấn khởi ấy chẳng được lâu, vì đến năm 1960, Đảng bắt dân phải góp hết ruộng vào Hợp tác xã lớn để ‘làm chủ tập thể’ chứ không sở hữu riêng nữa. Nông dân có gì đem góp hết vào hợp tác xã: trâu bò, cày bừa, cối xay cối giã, trục lúa v.v... tóm lại tất cả các nông cụ riêng trước đây đều sung vào hợp tác xã. Người nông dân bỗng nhiên thấy mình hoàn toàn là người vô sản, chỉ còn hai bàn tay để đi làm thuê lấy điểm, có khác là trước kia làm thuê cho ‘bọn địa chủ tàn ác bóc lột’, nó cho ăn ngày hai bữa cơm no, tối về nó trả công cho đấu gạo; còn bây giờ thì làm thuê cho hợp tác xã không cơm, tối lại được trả cho tám lạng hay một cân thóc đựng vào cái mo cau mang về (một cân thóc bằng sáu lạng gạo, người khỏe ăn một bữa không no). Bởi thế người dân đã nói với nhau là: “Hợp tác lên to lấy mo đựng thóc”. Một ông ‘cắc có’ nào đó lại nói: “Hợp tác lên to đói hết rồi”, bị gọi ra Ủy ban Nhân dân xã. Xã bảo: “Anh nói thế là nói xấu Cách mạng, bôi nhọ chế độ hả?” Ông cắc có trả lời: “Đâu dám! Ý tôi muốn nói là Hợp tác lên to hết cái đói rồi, nghĩa là không còn ai đói nữa, ai cũng no đủ cả”. Thế rồi ông cắc có thông thả ra về. Lại một ‘nhà thơ’ nào đó làm mấy câu thơ như sau:

Sáng bước chân ra bụng đói rồi
Trưa về lưng lửng tối ta thôi

cũng bị gọi ra Ủy ban và gán cho tội bôi bác chế độ. Nhà thơ phủ nhận và bảo bài thơ tôi có bốn câu tứ tuyệt, nhưng nhân dân chỉ truyền tụng có hai câu mà bỏ hai câu cuối của tôi đi, làm cho bài thơ không trọn nghĩa. Ông xã hỏi thế hai câu cuối của anh như thế nào? Nhà thơ đọc:

Đói no chi quản thời chinh chiến
Mỹ cú đi rồi bác với tôi!

Ông xã nói: “Ừ, vậy thì hay quá chứ còn gì!” Thế là nhà thơ thung dung ra về.

Đến năm 1980, Đảng Cộng sản thấy cách làm ăn tập thể kiểu Hợp tác xã bết bát quá, vì chẳng ai chịu gắng sức làm, lại còn lãng phí, có khi phá ngầm nữa, bởi lẽ họ có làm mà không được hưởng, không đúng như lời Đảng đã nói “làm theo khả năng, hưởng theo nhu cầu”, nên họ chẳng thiết tha gì, chỉ làm qua loa cho xong việc rồi về nhà chăm lo con lợn

con gà là chính, do đó, sản lượng nông nghiệp mỗi ngày mỗi giảm sút nặng nề, Đảng bèn đưa ra chính sách khoán sản phẩm, hy vọng cải thiện tình hình. Nhưng vì hợp tác lấy sản quá nặng nên nông dân cũng chẳng còn được bao nhiêu thóc và đói vẫn hoàn đói. Còn các cụ già hơn sáu bảy mươi tuổi, không làm được ruộng thì sung vào đội trồng cây theo khẩu hiệu của bác Hồ “Trăm năm trồng người, mười năm trồng cây”. Loại cây chính được trồng ở hai bên lề đường là cây bạch đàn, xà cừ và phi lao. Hợp tác xã dùng chúng làm củi đốt gạch hoặc làm nhà kho.

Một hôm, có bảy tám cụ ông cụ bà vác cây đến trồng ở hai bên con đường đi vào chùa Vũ-Đoài, các cụ vào chùa nghỉ giải lao, tôi hỏi các cụ đi đâu thì các cụ cho biết đi trồng cây lấy điểm. Tôi tò mò hỏi các cụ trồng như vậy được bao nhiêu điểm, các cụ cho biết cứ năm cây được một điểm bằng một lạng thóc. Tôi nói: “nghe đâu các cụ đã có an dưỡng đường, có người phục vụ chu đáo rồi mà, thế sao các cụ còn phải đi trồng cây lấy điểm?” Các cụ trả lời: “Chả biết sau này thế nào, chứ hiện giờ thì chúng tôi đang còn ‘ăn đứng đường’. An dưỡng đường mà các cụ nói chệch ra ăn đứng đường thì cũng lạ thật. Đã vậy, những cây các cụ trồng xong, chỉ ít ngày sau là người ta đã bẻ hoặc nhổ hết vào ban đêm, bởi vậy các em bé chăn trâu cho hợp tác xã (trước kia thì chăn trâu cho địa chủ bóc lột) mới làm về hoan hô các cụ:

Hoa hô các cụ trồng cây
Mười cây chết chín một cây gặt gù!

Các cụ cũng chẳng vừa, cũng làm về ‘phản pháo’ lại:

Các cháu có mắt như mù
Mười cây chết tiệt gặt gù ở đâu!

Nghĩa là trong con mắt các cháu thì mười cây còn sống sót được một cây, nhưng dưới con mắt các cụ thì mười cây chết hết cả mười! Thực ra thì các cụ chỉ trồng chúng xuống đấy để lấy điểm sống qua ngày thôi, còn chúng sống hay chết cũng mặc, các cụ đâu có quan tâm. Còn những người bẻ hoặc nhổ cây đi thì lại nghĩ chúng có lớn lên mình cũng chẳng được dùng, thôi thì nhổ phứt đi cho khuất mắt.

Nạn tham ô ở nông thôn cũng rất phổ biến. Nông dân phải trả sản nặng, thiếu phải bù lỗ, bởi thế phải nói khó với các ông lái máy cày máy bừa làm kỹ ruộng để cây cho tốt lúa, bởi vì các ông máy cày hay cày lỏi; hoặc hợp đồng bừa ba lượt thì các ông chỉ bừa hai lượt thôi. Làm như vậy sẽ dôi số xăng mà hãng máy cày cấp cho mỗi máy, các ông lái máy cày lấy số dầu xăng dôi ra ấy đem bán chợ đen, mà cày bừa như thế thì ruộng không kỹ, lúa sẽ xấu. Bởi vậy nông dân phải luộc gà nấu xôi chớ các ông ăn mới được, vì thế trong dân gian mới có câu ‘trâu đen ăn cỏ, trâu đỏ ăn gà’. Trâu đen là con trâu thật, trâu đỏ là cái máy cày vì nó được sơn màu đỏ cách mạng. Thật cũng trớ trêu, ngày xưa phải biếu gà cho địa chủ bóc lột, còn ngày nay thì phải đút gà cho máy cày. Tránh vỗ dưa gập vỗ dừa! Nhưng sau máy cày nghỉ ăn gà chỉ ăn được một mình thôi, không vui, nên máy cày bèn lấy tiền và gạo đưa về nhà cùng vợ con ăn cho vui.

Rồi đến điện lực cũng vậy Điện ở nông thôn chỉ được dùng để bơm nước vào đồng để cày bừa. Đến thời vụ, hợp tác xã nào muốn có nước vào đồng trước để cày bừa, thì phải đưa thịt và gạo nếp đến ‘lót tay’ mấy ông cán bộ coi trạm điện bật cầu giao điện, nếu không thì cứ chờ, quá thời vụ cũng mặc. Nhưng hợp tác xã sợ quá thời vụ lúa sẽ xấu, không đủ thóc đóng thuế cho Nhà nước cũng nguy, cho nên đành phải mang gạo thịt đi, chứ không thể chờ được. Bởi vậy, dân gian lại có câu tiếu lâm thời đại: ‘Có kí lô oét mới có kí lô oát!’ Oét là tiếng kêu oen oét của con lợn, còn oát (watt) là chỉ đơn vị điện lực. Hoặc câu nữa cũng không kém phần hóm hỉnh, như: ‘Có cầu thớt mới có cầu dao’. Cái thớt dùng để thái thịt luôn luôn đi với con dao, còn cầu dao là cầu dao của công tơ điện, hễ có gạo thịt thì nó bật lên, không thì nó cúp xuống! Lại trong làng xóm, nhà nào khá giả muốn có ngọn đèn điện thấp sáng trong nhà, nhất là vào ba ngày Tết, hoặc đám cưới, đám ma v.v... thì xin ông cán bộ trạm điện cho phép cầu điện vào, dĩ nhiên, cũng phải có gà lợn và gạo nếp chỉ đường dẫn lối. Cho nên người dân lại có câu ca dao:

Muốn cho điện sáng về nhà
Ruột lợn ruột gà phải nối đến nơi!

Thật cũng buồn cười, trước trước cộng sản lên án tư bản nắm lấy các phương tiện sản xuất để thao túng bóc lột dân lao động, thì giờ đây cộng sản có máy cày, có trạm điện cũng có tha dân đâu! Những câu tiếu lâm, ca dao về nạn tham ô ở nông thôn còn nhiều lắm, như:

Mỗi người làm việc bằng hai
Để cho cán bộ mua đài (radio) mua xe.
Mỗi người làm việc bằng ba
Để cho cán bộ xây nhà xây sân...

và những tiếu lâm về các lãnh vực khác cũng khá nhiều, nhưng ở đây tôi không chủ trương nói về điều đó, chỉ nêu mấy câu làm điển hình thôi.

Cuối cùng chính sách khoán sản phẩm cũng thất bại, đến năm 1985 thì Đảng cho khoán trắng. Nghĩa là cho dân thuê ruộng rồi đóng thuế cho Nhà nước, hết như chính sách phát canh thu tô của ‘địa chủ bóc lột và bị giết’ trước kia, chỉ khác trước kia là địa chủ cá thể, bây giờ là địa chủ tập thể Đảng hoặc Nhà nước. Thế là mèo lại hoàn mèo. Rồi bắt đầu phá hợp tác xã: nào nhà kho, sân kho, nhà nuôi lợn, nhà chăn tằm, nhà thuốc, vườn ươm cây, cửa hàng hợp tác xã, ao cá bác Hồ, vườn cây bác Hồ v.v... phá hết, bán đấu giá hết. Một hôm, có người trong xóm ra chùa rủ tôi đi xem chỗ máy bay B52 của Mỹ bỏ bom, tôi hết sức ngạc nhiên. Tôi hỏi bỏ bao giờ, ông ta bảo mới vài hôm nay, tôi lại càng ngỡ ngàng không hiểu ra sao. Sau một lát ông ta mới nói dân chúng mua nhà nuôi lợn của hợp tác xã, họ đang đập phá lấy gạch, trông y như B52 bỏ bom. Lúc đó tôi mới vỡ lẽ. Mấy hôm trước có người ở thành phố Nam-Định sang thăm và cho tôi món quà hiệu Liên-Xô, bên ngoài hộp có mấy chữ CCCP, không hiểu, tôi đưa ra hỏi ông ta là nghĩa gì, ông ta bảo đó là chữ viết tắt của các câu: “Các cha cứ phá, các chú cứ phá, các cô cứ phá, các cậu cứ phá, các con cứ phá, các cháu cứ phá, các chắt cứ phá, các chứt cứ phá, các chít cứ phá’... nói xong ông ta cười sằng sặc. Tôi nghĩ bụng thật là mấy chữ quái ác, đây là định

mệnh của dân tộc chẳng? Thảo nào mà đình chùa miếu mạo họ cũng phá, và bao nhiêu thể hệ mà cứ phá như thế thì liệu đất nước sẽ còn gì. Tôi nhớ lại thời ‘tiêu thổ kháng chiến’.

Bao nhiêu công của sức lực, mồ hôi và cả nước mắt của nông dân đổ ra suốt một phần tư thế kỷ để xây dựng, gom góp hết vào hợp tác xã, bây giờ tan thành mây khói, và số tiền bán đấu giá các tài sản ấy chui vào đâu, người dân không biết.

Tổ tiên Việt-Nam qua bao nhiêu đời, bằng kinh nghiệm sống của mình đã đúc kết thành những câu ngạn ngữ, ca dao ngắn gọn rất hay rất đúng để dạy con cháu đời sau về mọi lãnh vực. Như về luật nhân quả thì các cụ nói: “Đời cha ăn mặn đời con khát nước”, nghĩa là những kẻ làm điều ác thì sớm muộn gì cũng sẽ phải chịu quả báo ác. Về số phận thì các cụ nói: “Số giàu của đến dừng dung, số nghèo con mắt cháo chung vẫn nghèo”. Đúng vậy, như thời cải cách, những địa chủ và cường hào bị tịch thu hết nhà cửa ruộng vườn, thóc gạo đồ dùng và tiền bạc họ lấy sạch, chỉ để cho cái chuồng trâu cho con cái ở, giường chiếu không có, phải nằm đất, không còn gì ăn, phải đi mò cua bắt ốc sống qua ngày. Vậy mà bây giờ họ lại giàu có, nhà xây gạch, dư thóc lúa tiền bạc. Trái lại, những người ngày trước lấy của họ chia nhau ăn, chỉ sau ít lâu là ăn hết, rồi người được chia nhà thì bán nhà, người được chia đồ đạc thì bán đồ đạc, rút cuộc nghèo vẫn hoàn nghèo. Có điều mỉa mai là sau ngày cải cách, thân nhân con cái địa chủ, cường hào bị gọi thẳng nợ con kia, khi gặp họ phải cúi đầu chào ông nông dân bà nông dân, thì bây giờ lại chính những người ấy đến nhà các thân nhân con cháu của địa chủ, cường hào vay tiền vay thóc và gọi họ bằng cụ hoặc bằng bà tùy tuổi tác, chứ không dám gọi thẳng nợ con kia nữa.

Nhưng không lãnh vực nào mà các cụ dạy bảo con cháu kỹ như lãnh vực làm ăn tập thể theo kiểu cộng sản. Các lãnh vực khác thì thường chỉ có một câu hai câu là cùng, riêng lãnh vực làm ăn tập thể thì có tới ba câu, đó là: “Cha chung không ai khóc, nhiều sãi không ai đóng cửa chùa, nhiều thầy rôi ma nhiều cha con khó lấy chồng”. Ngày nay những người cộng sản Việt-Nam đã không chịu học bài học của tổ tiên ông cha, mà lại đi học ông Karl Marx, ông Lênin, tin rằng các ông ấy nói đúng hơn, hay hơn, nên mới bắt dân làm ăn tập thể, hao tiền tốn của phí công mà chẳng nên việc gì. Rồi đến lãnh vực chính trị cũng thế, tổ tiên Việt-Nam thiếu gì đường lối chính sách hay, như vua Thánh-Tôn (1054-1072) đời Lý, một hôm ngồi xử án tại điện Thiên-Khánh, có công chúa Động-Thiên đứng hầu bên cạnh. Vua chỉ vào công chúa mà nói với các quan: “Lòng trăm yêu dân cũng như yêu con trăm vậy, chỉ hiềm trăm họ đại dột, làm bậy phải tội, trăm thương lắm. Từ nay về sau tội nhẹ thì tha, tội nặng thì giảm bớt đi.” Hoặc như Nguyễn-Trãi: “Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn, đem trí nhân trừ cường bạo.” Những giá trị nhân bản cao quý đầy nhân tính như thế, tại sao người cộng sản Việt-Nam không học, lại đi học chính cách hận thù đấu tranh giai cấp, tổ khổ nhân dân khiến hàng trăm nghìn đồng bào vô tội phải chết oan!

Trở lại vấn đề khoán trắng sau khi tập thể hợp tác xã thất bại. Nghĩa là bây giờ (1985) ruộng đem khoán trắng cho dân, nhưng khôn nổi trâu bò cày bừa và tất cả nông cụ khác trước đây đã góp hết vào hợp tác xã, khi hợp tác xã giải thể, tài sản bán đấu giá nông dân

không được trả lại một món gì, bây giờ lại phải mua sắm đồ mới. Nhưng khó nhất là trâu bò, hàng trăm nghìn đồng một con trâu, dân lấy tiền đâu mà mua; xăng dầu lại đắt, không đủ sức thuê máy cày. Và lại, trước kia, khi vào hợp tác xã thì các bờ ruộng phải phá hết đi để làm thành ‘ruộng đồng cò bay thẳng cánh, chó chạy cong đuôi’ để cày máy. Bây giờ ruộng khoán trắng, mỗi nhà vài ba sào (một sào Bắc bộ bằng 366m²), dân lại phải đắp bờ lên để đánh dấu và giữ nước, thì dù người có khả năng thuê máy cày cũng chẳng cày được. Cho nên đa số nông dân dùng cuốc và mai để cuốc và bẫy ruộng, và cứ mỗi nhát cuốc dơ lên đập xuống, họ lại nói: “Cơ giới hóa toàn quốc”! Họ bảo ‘Đảng ta’ nói nông nghiệp sẽ được cơ giới hóa toàn quốc mà! Trẻ em bảy tám tuổi cũng phải cơ giới hóa toàn quốc. Cuốc xong, nhà nào có nhiều người trẻ khỏe thì bừa lấy. Cứ hai người kéo, một người cầm bừa, mấy người đi trên đường thấy thế ‘khen’: “Góm, hai con trâu khỏe nhỉ!” rồi họ cười với nhau thông cảm.

Cảnh ấy làm tôi nhớ lại năm 1975 được xem cuốn phim chiếu trên TV ở Sài Gòn kể lại cuộc đời của cụ Hồ-Chí-Minh (lúc đó trong phim cụ được gọi là anh Ba), từ bên Nhà Rồng Sài Gòn cụ xuống tàu ra đi tìm đường cứu nước, mà một trong những nguyên nhân khiến cụ phải ra đi là cụ thấy người dân phải làm thân trâu kéo cày. Bây giờ đây, sau gần nửa thế kỷ cách mạng thành công, xây dựng chủ nghĩa cộng sản, thì người dân lại phải kéo bừa thay trâu! Ở Vũ-Đoài tôi chỉ thấy người kéo bừa chứ không ai kéo cày, vì nặng lắm. Cuộc đời thật là cái đèn cù, quay hết vòng thì trở lại. Còn các tệ nạn xã hội như trộm cướp, trần lộn, ăn mày, ăn hối lộ, nghiệp ngập v.v... thì vẫn nhan nhản.

Thế là từ sau ngày cải cách đấu tố giết chết bảy trăm nghìn người, Đảng Cộng sản đã hứa hẹn với nhân dân miền Bắc xây dựng một xã hội thiên đường trên mặt đất, đến nay đã ba mươi sáu năm (1956-1992) mà vẫn chưa thực hiện được, có lẽ nó chỉ là cái bánh vẽ chẳng?

Bây giờ đến lượt miền Nam thì sao? Như đã nói ở đoạn trên, sau trận Điện-Biên-Phủ, người Pháp đã thỏa hiệp với cộng sản chia đôi nước Việt-Nam, từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc thuộc cộng sản, từ vĩ tuyến 17 trở vào Nam thuộc Pháp. Nhưng phe Tư bản do Mỹ cầm đầu, thấy Pháp đã kiệt quệ, chín năm trời hao tiền tốn của mà chẳng làm nên việc, cho nên gạt Pháp ra để trực tiếp can thiệp vào Việt-Nam bằng cách đưa ông Ngô-Đình-Diệm về dựng lên một chính quyền quốc gia chống cộng mạnh để bảo vệ thế giới tự do. Sau đó, cộng sản vịn vào cơ ấy mà lập ra cái gọi là ‘Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam’ để chống Mỹ cứu nước, giải phóng dân tộc. Thế là cuộc chiến tranh giữa Quốc gia và cộng sản lại bắt đầu tại miền Nam.

Chính quyền ông Ngô-Đình-Diệm càng ngày càng trở nên độc tài, gia đình trị và có tính kỳ thị tôn giáo, nên ít được lòng dân. Sau khi đã tiêu diệt các giáo khác, như Cao Đài, Hòa Hảo, năm 1963, ông Ngô-Đình-Diệm ra tay đàn áp Phật giáo, toàn thể tăng ni Phật tử miền Nam đã phải đứng lên chống lại để bảo vệ đạo pháp. Đến tháng 11 năm 1963, chế độ ông Ngô-Đình-Diệm bị lật đổ.

Năm 1965, sau cái gọi là ‘sự kiện vịnh Bắc Việt’, Chính phủ Mỹ bắt đầu ném bom miền Bắc, đến năm 1966 đổ vào miền Nam nửa triệu quân Mỹ và hàng chục nghìn quân các

nước đồng minh Thái-Lan, Nam-Hàn, Úc-Đại-Lợi để trực tiếp chiến đấu, từ đó cuộc chiến trở nên ác liệt, sự chết chóc tàn phá cực kỳ khủng khiếp.

Với nửa triệu quân Mỹ và quân đồng minh mà phe Tư bản vẫn không thắng được phe Cộng sản. Có nhiều nguyên do, nhưng nguyên do chính vẫn là sự hiện diện đông đảo của những đoàn quân ngoại bang trên đất nước Việt-Nam đã tạo thêm ‘chính nghĩa’ bề ngoài cho cộng sản Việt-Nam, khiến khẩu hiệu ‘chống Mỹ cứu nước giải phóng dân tộc’ của họ trở thành hiện thực, nhờ thế, cộng sản đã động viên được toàn lực nhân dân miền Bắc và một bộ phận lớn nhân dân yêu nước miền Nam có thiện cảm với cộng sản ủng hộ họ, cho nên cuối cùng cộng sản đã thắng. Về điểm này, như đã nói ở trên, phe cộng khôn hơn phe tư bản, vì họ chỉ dùng người cộng sản bản xứ đánh nhau ngoài chiến trường, chứ không có lính Tàu, Nga, Ba-lan, Tiệp-khắc v.v..., những nước ấy chỉ cho cộng sản Việt-Nam vay tiền bạc, súng đạn và cố vấn ở hậu trường mà thôi. Do đó, cộng sản Việt-Nam dễ tuyên truyền là nước Việt-Nam đang bị quân ngoại bang xâm lăng, mà chống xâm lăng để bảo vệ đất nước là chính nghĩa, thì người dân bình thường và có lòng yêu nước nào mà chẳng tin cộng sản có chính nghĩa. Và bất cứ cuộc chiến nào, hễ có chính nghĩa thì dù có khó khăn, khổ cực đến mấy đi nữa, cuối cùng tất cũng sẽ thắng. Hơn nữa, cộng sản còn vận động được một số nước trong phe tư bản ủng hộ họ, đồng thời, nhân dân Mỹ thấy cuộc chiến ở Việt-Nam chẳng có liên quan gì đến quyền lợi thiết thân của nước Mỹ mà con em của họ phải chết, bởi thế họ đòi Chính phủ Mỹ phải đưa trả con em về. Đó cũng là những yếu tố rất lợi cho cộng sản, cho nên họ càng khai thác tình cảm ấy bằng cách tỏ cho thế giới biết rằng mình là một chú tí hon đang bị một anh khổng lồ cạy khỏe bắt nạt, ức hiếp.

Cũng như người Pháp năm 1954, đã không thắng được thì phải rút quân, nhưng rút cách nào cho khỏi mất thể diện, Mỹ bèn dùng máy bay B52 bỏ bom Hà-Nội để buộc cộng sản Bắc-Việt phải ngồi vào bàn hội nghị nói chuyện hòa bình. Bởi thế, hội nghị Ba-lê đã được mở ra, đến tháng một năm 1973 thì hai bên thỏa thuận đình chiến và Mỹ bắt đầu rút quân. Bây giờ còn lại một mình Việt-Nam Cộng hòa cố gắng kháng cự cộng sản, nhưng đến ngày 30-4-1975, Việt-Nam Cộng hòa đầu hàng và cộng sản đã chiếm toàn miền Nam. Họ thực sự đã làm đúng khẩu hiệu ‘đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào’.

Ngay từ trước ngày 30-4-1975, rồi sau ngày cộng sản toàn thắng và mở cuộc đấu tranh căm thù giai cấp đánh Tư bản miền Nam, đã có cả triệu người bỏ nước ra đi, thậm chí cho đến nay (1992) người ta vẫn tiếp tục ra đi. Trong số những người vượt biển ra đi ấy, đã có bao nhiêu người bắt hạnh vui thân dưới đáy biển hoặc làm mồi cho cá? Bao nhiêu người đã đến được một nước nào đó, nhưng thuyền của họ lại bị đẩy ra khơi trở lại và số phận họ sau đó ra sao? Bao nhiêu người đã bị hải tặc cướp bóc hãm hiếp rồi quăng họ xuống biển? Bao nhiêu người tuy đã đến được bờ tự do, nhưng quá sợ hãi vì đã nhìn thấy những điều xảy ra trong cuộc phiêu lưu mạo hiểm, nên đã trở thành điên khùng, mất trí? Và hiện đang còn bao nhiêu chục nghìn người đang sống lây lất như những con vật hai chân trong các trại tị nạn trên khắp vùng Đông-Nam-Á? Bao nhiêu người đã chết trong các trại tù trong số hàng trăm nghìn sĩ quan binh sĩ và nhân viên của chế độ cũ mà cộng sản bắt đi học tập cải tạo? Rồi ngay trên đất nước Việt-Nam hiện giờ đây còn bao nhiêu

nhà trí thức, giáo sư, văn nghệ sĩ, tu sĩ, đang phải sống đọa đày trong các nhà tù cộng sản hoặc bị lưu đày quản thúc chỉ vì họ nói lên tiếng nói của lương tri, muốn cho dân tộc được tự do dân chủ thực sự? Tất cả đều không ai biết được. Thật là khủng khiếp. Suốt bốn nghìn năm lịch sử dân tộc, chưa từng có giai đoạn nào đau thương khổ thảm như giai đoạn này. Ngay cả dưới chế độ thực dân phong kiến thống trị, người dân chẳng ai bỏ nước ra đi, vậy mà ngày nay được ‘độc lập tự do hạnh phúc’ thì hàng triệu người lại ùn ùn bỏ nước ra đi bất chấp hiểm nguy chết chóc là nghĩa làm sao? Có nhiều người bảo vì nghèo khó mà người Việt bỏ nước ra đi để tìm một cuộc sống khá hơn. Không phải thế đâu. Gần hai mươi năm qua đã biết bao nhiêu người bỏ hết tài sản cơ nghiệp mà có thể họ ăn đến mấy đời không hết để thoát thân, nếu không may phải chết đuối ngoài biển họ cũng vui lòng và bảo chết thế càng mát! Ngay cả bây giờ đây (1992), các nước tư bản đã vào Việt-Nam kinh doanh, kinh tế đang phát triển, đời sống tương đối đỡ đỏi hơn trước; nhưng giả sử có nước nào hào hiệp sẵn sàng đón nhận người Việt-Nam đến sinh sống, hoặc có một hòn đảo nào sinh sống được mà quốc tế giúp đỡ cho người Việt đến đó làm ăn và nhà cầm quyền Hà-Nội cho họ tự do ra đi không hạn chế, thì tôi tin chắc rằng sẽ có một nửa dân số Việt-Nam, nếu không nói là hơn thế nữa, sẽ bỏ nước ra đi một cách không vắn vương thương tiếc.

Tại sao vậy? Bởi vì ở Việt-Nam hiện nay có cái tội danh ‘phá rối trật tự an ninh xã hội’ nó mờ mờ mịt mịt, không có giới hạn nào, không biết đâu mà tránh, cho nên người dân sống trong tình trạng nơm nớp lo sợ như con cá nằm trên thớt, không biết mình bị bắt lúc nào nếu lỡ mồm lỡ miệng nói điều gì mà Đảng Cộng sản không vừa lòng là bị khép ngay vào cái tội danh trên sẽ biến mất vào ban đêm, hàng xóm không ai biết. Bởi thế mỗi khi muốn nói điều gì có liên quan đến chính trị một chút thì phải nhìn trước nhìn sau, thậm chí nhìn cả dưới gầm giường, gầm bàn xem có ai nghe lén không rồi mới dám nói, nhưng cũng không dám nói to đâu, chỉ nói thầm như bàn nhau đi ăn trộm ấy thôi, vì sợ có người núp ở sau nhà nghe lén.

Một người ở xã Vũ-Đoài ra chùa xin tôi mấy chữ Hán về treo trước bàn thờ tổ tiên trong ba ngày Tết. Tôi nghĩ treo trước bàn thờ tổ tiên thì không có chữ nào hợp tình hợp cảnh bằng bốn chữ xưa nay rất thông dụng, đó là bốn chữ ‘Âm Thủy Tư Nguyên’, nghĩa là uống nước nhớ nguồn. Vậy mà công an đến hỏi người chủ nhà là những chữ gì, vì anh ta không biết chữ Hán. Sau khi nghe chủ nhà giải nghĩa, anh công an nói: “Coi chừng hấn (tức là tôi) định nói chính trị trong đó đấy!” Sống trong một xã hội luôn luôn bị rình rập và nghi kỵ như vậy, đến mấy chữ uống nước nhớ nguồn mà cũng nghi là chính trị, cũng như tôi bị quản thúc lưu đày đã mười năm nay (1982-1992) chỉ vì cái tội ‘làm việc tôn giáo cũng là làm chính trị’, thì tôi thiết nghĩ dù có ngồi trên đồng vàng cũng chẳng cảm thấy hạnh phúc. Bởi vậy bất cứ lúc nào có cơ hội là người Việt-Nam sẵn sàng bỏ nước ra đi, chứ không phải vì nguyên do nghèo khó, kinh tế thiếu thốn đâu. Tôi xin kể một câu chuyện cổ để chứng minh. Đức Không-Tử sang nước Tề, đi qua núi Thái-Son, thấy một người đàn bà đang khó ở ngoài đồng, nghe thảm thiết lắm. Ngài nói với đoàn tùy tùng: “người đàn bà kia hình như trong nhà có trùng tang.” Rồi sai Tử-Công đến hỏi. Người đàn bà nói: “Ở đây lắm hổ (cọp), bố chồng tôi chết vì hổ, chồng tôi chết vì hổ, bây giờ đến lượt con tôi cũng lại chết vì hổ. Thảm lắm ông ơi!” Tử-Công bảo: “Thế sao không bỏ

chỗ này đi ở chỗ khác?” Người đàn bà trả lời: “Tuy vậy, nhưng ở đây chính sách quan trên không đến nỗi hà khắc như ở các nơi khác.”

Từ-Công đem chuyện thưa lại với Đức Không-Tử. Ngài nói: “Các người nhớ đây: chính trị hà khắc khốc hại hơn mãnh hổ!”

Cũng thế, hàng triệu người Việt-Nam ngày nay bỏ nước ra đi là vì sợ một chế độ chính trị hà khắc chứ không phải vì sợ đói khổ, như tôi đã trình bày ở trên, có những người ăn đến mấy đời không hết của mà vẫn bỏ nước ra đi và có chết ngoài biển cũng vui lòng, như vậy chứng tỏ họ sợ chính trị hà khắc còn hơn cả sợ chết, cho nên ngài Không-Tử nói nói “chính trị hà khắc khốc hại hơn mãnh hổ” là thế.

Suốt hai mươi một năm trời (1954-1975), cộng sản Việt-Nam đã tận dụng nhân lực của nhân dân miền Bắc và của đại bộ phận nhân dân miền Nam, để ra sức ‘đánh cho Mỹ cút đánh cho Ngụy nhào’, thì năm 1974 Mỹ đã ‘cút’ thật sau hai mươi năm trút hàng triệu tấn bom đạn và chất độc hóa học xuống đất nước Việt-Nam, rồi đến năm 1975 thì ‘Ngụy’ cũng đã ‘nhào’ thật, cộng sản toàn thắng, chiến công đạt đến tuyệt đỉnh vinh quang. Nhưng sau mười tám năm (1975-1992) vinh quang oanh liệt, đến khi phe cộng sản Đông-Âu và Liên-Xô tan rã, thì giờ đây cộng sản Việt-Nam thấy mình hụt hẫng, không còn chỗ dựa, và để cứu vãn nền kinh tế kiệt quệ vì không còn được ai cho vay nên đành phải muối mặt mà mời người Mỹ trở lại hy vọng họ bỏ cấm vận. Nhưng khôn nổi người Mỹ lại làm cao, đặt ra các điều kiện này nọ, mà điều kiện tiên quyết là phải tìm kiếm đào bới cho đủ số hơn hai nghìn lính Mỹ còn bị liệt kê mất tích trong chiến tranh tại Việt-Nam. Cộng sản Việt-Nam phải trần lực ra đi đào bới tìm kiếm từng mẫu xương khô, và cứ mỗi lần cộng sản giao trả cho Mỹ mấy bộ xương thì Mỹ lại ‘tưởng thưởng’ cho cộng sản một cái gì đó theo như lộ trình họ đã định. Các ông cộng sản Việt-Nam có cảm thấy ‘khó chịu’ không? Nhân đây tôi cũng xin nói với quý ông trong Chính phủ Mỹ rằng, nếu quý ông tưởng thưởng cho cộng sản thì cứ nói rõ là tưởng thưởng cho cộng sản, chứ dân tộc Việt-Nam chúng tôi với truyền thống Lý-Thái-Tô, Lý-Thường-Kiệt, Trần-Nhân-Tôn, Trần-Hung-Đạo, Lê-Lợi, Nguyễn-Trãi v.v... có đi đào thuê cuộc mướn cho quý ông đâu mà quý ông tưởng thưởng cho Việt-Nam. Kể cũng chua chát, người Mỹ đã trút hàng triệu tấn bom và chất độc da cam xuống đất nước Việt-Nam tàn sát hơn một triệu người dân Việt, bao nhiêu người tàn phế và trẻ em quái thai vì chất độc hóa học, và hậu quả khốc hại của nó còn kéo dài trong nhiều thế hệ nữa; nhưng vì họ có nhiều đô-la (mà trước kia cộng sản cho là đồng tiền ‘vấy máu’) cho nên cộng sản phải cố làm vừa lòng họ. Còn những người dân Việt-Nam yếu hèn thì cộng sản đối xử như những con vật, cho nên người dân miền Bắc đã phải nói: “ăn như lợn (tức ăn độn), ở như chuột, làm như trâu, đối xử như chó”. Lại như thượng tọa Huyền Quang và tôi chỉ vì cộng sản làm bậy, đập tượng phá chùa, lấy chùa làm nhà hộ sinh (nhà đỡ đẻ), làm rạp chiếu bóng, bắt bớ tăng ni Phật tử một cách bừa bãi, chúng tôi buộc lòng phải phản đối những hành động ngông cuồng và phi pháp ấy của cộng sản, chứ có tranh giành quyền lợi gì với họ đâu, vậy mà họ giam cầm đày ải suốt mười mấy năm nay!

Hơn hai nghìn lính Mỹ mất tích còn có người tìm kiếm đào bới, thế còn hơn ba trăm nghìn lính cộng sản Bắc Việt mất tích thì ai tìm kiếm đào bới? Còn các ông ‘ngụy’ đã ‘nhào’ mà thoát thân trước ngày 30-4-1975, và những người vượt biên sau đó, đều bị cộng sản lên án là phản quốc, bây giờ trở thành người nước ngoài gốc Việt, nếu muốn về thăm quê cũ với đô-la đầy túi, thì cũng được hoan nghênh là ‘Việt kiều yêu nước’!

Còn một điều trớ trêu nữa là năm 1954 tại miền Bắc và năm 1975 tại miền Nam, bao nhiêu nhà tư bản Việt-Nam cộng sản đánh gục hết để rồi giờ đây phải giải thảm đồ mà mời tư bản nước ngoài vào, còn gì nghịch lý hơn? Vậy tại sao cộng sản Việt-Nam không mời tư bản nước ngoài vào ngay từ năm 1945 hoặc 1954 hay ít nữa là 1975 có tốt hơn không? Tại sao lại đợi đến sau bốn mươi một năm (1954-1986) cố sức ‘đào mồ chôn sống bọn tư bản’ chẳng được, gây ra bao nhiêu tang thương khổ thảm đồ nát chết chóc rồi mới chịu rước tư bản vào? Đảng Cộng sản thường nói: “Giữa con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, ai thắng ai?” Ngày nay rõ ràng tư bản nó thắng rồi đó: nó đã vào nằm trong sân, trong đầu giường, thậm chí chui cả vào túi của Đảng rồi đó, xã hội chủ nghĩa chỉ còn là cái vô thôi, lột bỏ luôn đi cho hợp thời! Danh có chính ngôn mới thuận, Đảng lãnh đạo là Đảng cộng sản, tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt-Nam, kinh tế là kinh tế thị trường tư bản, chấp vá như vậy nghĩa là làm sao? Nghe nó không ổn. Giá như Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Sô-viết còn tồn tại thì nghe còn đỡ, bây giờ còn một mình cộng sản Việt-Nam nghe lạc lõng lắm.

Cộng sản giết địa chủ bóc lột để rồi trở lại chính sách phát canh thu tô của địa chủ, đào mồ chôn tư bản nội địa để rước tư bản nước ngoài vào. Thật cái vòng lẩn quẩn. Thế mà mồm vẫn cứ nói là cách mạng! Rồi đây, tài nguyên của đất nước, thượng vàng hạ cám, có gì cũng sẽ bị những bạch tuộc nước ngoài ấy moi móc cho bằng hết. Giá như người Việt-Nam mình, một nửa thế kỷ qua, làm được cuộc cách mạng kiểu Minh trị Duy tân của Nhật-Bản thay vì cuộc cách mạng vô sản căm thù đấu tranh giai cấp tàn hại lẫn nhau, thì ngày nay người Việt mình đã có thừa nhân tài và kỹ thuật để làm chủ và khai thác tài nguyên của đất nước, chứ không đến nỗi phải lết đệt theo sau các nước láng giềng và phải mất ba, bốn mươi năm nữa mới đuổi kịp họ như hiện nay. Nhưng trong khi mình đuổi theo ba, bốn mươi năm ấy thì họ lại tiến xa hơn nữa rồi, thành thử mình cứ phải theo sau mãi. Nên nhớ những nước láng giềng ấy, như Thái-Lan, Tân-gia-ba v.v... trước đây cộng sản Việt-Nam cho là tay sai đế quốc Mỹ, vậy mà bây giờ phải theo sau tay sai đó! Và vinh dự hơn nữa là còn xin gia nhập khối ‘tay sai’ và mời tay sai làm cố vấn kinh tế đó!

Nhân đây tôi cũng xin nói với các ông tư bản nước ngoài rằng, các ông cứ nói Việt-Nam là một thị trường béo bở với bảy mươi hai triệu con người tiêu thụ. Các ông nghĩ lầm rồi đó, không béo bở như các ông tưởng đâu. Này nhé, nhân dân Việt-Nam tám mươi phần trăm là nông dân sống ở nông thôn, mà người nông dân Việt-Nam thì chỉ lo sao cho có đủ hạt gạo để ăn no bụng là khó lắm rồi, chứ đâu dám mơ tưởng đến những món hàng đắt tiền của các ông. Các ông nên nhớ rằng, Việt-Nam đang còn là một trong những nước nghèo nhất, lạc hậu nhất trên thế giới, với lợi tức đồ đồng mỗi đầu người trên dưới hai trăm đô-la một năm, trong khi lợi tức đồ đồng của Nhật-Bản mỗi đầu người bảy nghìn đô-la một năm. Cứ đó suy ra thì Việt-Nam phải mất mấy trăm năm nữa mới đuổi kịp

Nhật-Bản? Vậy các ông lấy đâu ra bảy mươi hai triệu người tiêu thụ mà cho là béo bở? Có béo bở chăng là béo bở mấy ông tư bản đồ, các ông tham ô và những người buôn lậu thôi, chứ tuyệt đại đa số nhân dân Việt-Nam không dám đụng đến chai coca-cola của các ông đâu, chứ nói chi đến các món hàng khác. Như vậy, nếu các ông tính cả bảy mươi hai triệu người tiêu thụ để thu lợi thì các ông sẽ lỗ to đấy!

* * *

Tóm lại, Đảng Cộng sản Việt-Nam đã phạm những sai lầm tai hại sau đây đối với dân tộc Việt-Nam:

1. Đảng đã đưa vận mệnh nước Việt-Nam ràng buộc vào ý thức hệ cộng sản quốc tế, dùng dân tộc Việt-Nam đấu tranh tiêu diệt chủ nghĩa tư bản để truyền bá chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới bằng khẩu hiệu ‘Giữa con đường tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa ai thắng ai’, chống Pháp, chống Mỹ để bảo vệ ‘tiền đồn (tức là nước Việt-Nam) của phe xã hội chủ nghĩa’ khiến dân tộc Việt-Nam đã phải gánh chịu cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa hai phe tư bản và cộng sản quốc tế ròng rã hai mươi chín năm trời (1946-1975) trên đất nước Việt-Nam, làm cho ba triệu người chết, bốn triệu người bị thương, nửa triệu tấn bom đạn, thuốc khai quang tàn phá đất nước Việt-Nam mà hậu quả còn di hại đến không biết bao nhiêu thế hệ về sau.

2. Thiết lập một chế độ độc tài độc đảng độc quyền chính trị, không chấp nhận đối lập, một mình một chợ, coi như đất nước này là của riêng mình, thu tóm hết quyền lực vào trong tay một nhóm người, thao túng lũng đoạn, đưa đến tình trạng lạm dụng quyền hành, tham ô thối nát, cai trị tùy hứng, muốn giết ai thì giết, muốn bỏ tù ai thì bỏ, bóp chết mọi mầm mống tư tưởng tự do: những người thông minh có nhiều sáng kiến có thể làm lợi cho đất nước dân tộc, nhưng không hợp với đường lối chủ trương của Đảng thì không dám nói ra, phải dả điếc dả dại để bảo toàn tính mệnh, kết quả đã khiến cho bao nhiêu nhân tài của đất nước phải thui chột và đất nước rơi vào tình trạng nghèo khó nhất lạc hậu nhất trên thế giới hiện nay. Không nói đến quá khứ nữa mà ngay bây giờ đây, có bao nhiêu người Việt tài giỏi trên khắp thế giới, đủ mọi ngành nghề, có thể phát triển đất nước một cách mau chóng, nhưng có ai dám về để góp phần xây dựng đất nước đâu? Không những thế, nếu còn ai sót lại trong nước thì cũng tìm mọi cách thoát thân ra nước ngoài làm giàu cho thiên hạ! Cái tai hại của một chế độ độc tài hà khắc là thế đó! Trong khi ấy thì Đảng Cộng sản Việt Nam phải đi mời ông Lý Quang Diệu của Singapour (một đảo quốc mấy triệu dân) mà trước kia Cộng sản Việt Nam cho là tay sai đế quốc Mỹ làm cố vấn kinh tế cho Cộng sản, nhưng ông ta từ chối! Mới chỉ mười tám năm trước (1975-1992) những người cộng sản Việt Nam thường nói một cách tự hào rằng: “Việt Nam ra ngô gặp anh hùng! Hà Nội là trái tim của loài người”, và chính ông Lê Duẩn lúc đó (1975) là Tổng bí thư đảng Cộng sản Việt Nam đã nói ở Sài Gòn rằng: “Từ nay trở đi không còn một ngoại bang nào dám nhòm ngó Việt Nam nữa.” Vậy mà bây giờ phải hạ mình đi mời ‘tay sai Mỹ’ làm cố vấn, nhưng lại bị từ chối! Con gì mĩa mai hơn? Còn gì đau đớn hơn? Còn gì đáng hổ hơn?

3. Kích động căm thù đấu tranh giai cấp bằng cuộc cải cách ruộng đất năm 1956 tại miền Bắc, khiến bảy trăm nghìn người phải mất mạng và tài sản tiêu tan.

4. Giết địa chủ, cường hào lấy ruộng chia cho nông dân, sau lại bắt dân gom hết ruộng vào hợp tác xã để thiết lập hệ thống kinh tế chỉ huy theo chủ nghĩa cộng sản. Công cuộc xây dựng hợp tác xã nông nghiệp đã làm hao tổn bao nhiêu công sức của dân suốt hai mươi sáu năm (1960-1986) khiến dân đói khổ đến ròi giờ đây giải thể, phá tan hợp tác xã mà trở về chế độ phát canh thu tô của địa chủ cũ tại nông thôn, và giải tán các xí nghiệp nhà nước, tuyên bố phá sản để theo hệ thống kinh tế thị trường tự do của chủ nghĩa tư bản tại thành thị.

5. Năm 1954 tại miền Bắc và sau năm 1975 tại miền Nam, phát động căm thù đấu tranh giai cấp đánh tư bản Việt Nam, khiến hàng triệu người phải bỏ đất nước chạy trốn ra nước ngoài, để rồi giờ đây lại rước tư bản ngoại quốc vào làm ăn khai thác để học tư bản.

6. Lấy học thuyết Mác-Lê làm nền tảng cho tất cả mọi lãnh vực sinh hoạt trong xã hội, dạy dân căm thù đấu tranh giai cấp để giành giật miếng ăn bỏ hết luân thường đạo lý, truyền thống nhân ái, hiếu nghĩa và phá hoại các di sản tinh thần và vật chất của tổ tiên, ông cha Việt Nam mà cho là tàn dư của phong kiến.

II. ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Như đã nói ở đoạn trước, cộng sản là những người vô thần duy vật, chủ trương tiêu diệt các tôn giáo, vì Marx cho tôn giáo là thuốc phiện của loài người mà ‘bọn’ tư bản dùng làm công cụ ru ngủ nhân dân lao động bằng cách khuyến họ cố gắng chịu những khổ cực ở đời này rồi sẽ được đền bù một thiên đường ở kiếp sau để dễ bề bóc lột họ, trong khi chủ nghĩa cộng sản chủ trương xây dựng thiên đường cộng sản ngay trên mặt đất này. Bởi vậy, cộng sản cho tôn giáo là một trở lực cần phải tiêu diệt.

Tại Việt Nam có hai tôn giáo chính là Thiên Chúa giáo và Phật giáo. Cộng sản gọi Thiên Chúa giáo là Công giáo mà tiếng lóng của họ là ‘cút gà’. Tại sao họ lại gọi là cút gà và phân gà? Tức họ cho Công giáo khó tiêu diệt hơn Phật giáo. Họ phân tích rất kỹ và vì nhiều lý do, nhưng quá dài không thể kể hết ra ở đây, tôi chỉ tóm tắt sự phân tích của họ như sau: cộng sản đánh giá Công giáo tuy là số ít, nhưng là những con sư tử, khó tiêu diệt, cũng như cút gà sấp (cút gà ướt sên sệt) đã dính vào quần áo thì chỉ có cách cắt bỏ chỗ ấy đi thôi, chứ giặt khó sạch lắm; còn Phật giáo tuy là số nhiều, nhưng chỉ là những con cừu, dễ tiêu diệt, cũng như phân gà khô, chỉ cần gạt một cái là sạch! Nhưng dù khó hay dễ thì cuối cùng cũng phải tiêu diệt. Nhưng cách thức tiêu diệt thì tùy từng giai đoạn, tùy từng nơi chốn. Người cộng sản có đường lối gọi là ‘biện chứng’, nghĩa là mục tiêu họ đã đặt ra là phải đạt cho bằng được; nhưng trên đường đi đến mục tiêu ấy mà êm xuôi thì đi đến ngay, còn nếu gặp trở ngại thì tạm thời dừng lại, nếu cần phải lùi thì lùi, cần phải rẽ ngang cũng rẽ ngang, nhưng cuối cùng vẫn phải đạt mục tiêu, châm ngôn của họ là ‘lùi một bước tiến ba bước’. Đối với việc tiêu diệt các tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, cũng vậy, nếu nơi nào xóa bỏ được ngay mà không gặp chống đối hoặc phản ứng bất lợi, thì họ làm ngay, nếu thấy trở ngại thì họ ngưng lại. Không những ngưng lại, mà nếu xét

thấy tôn giáo trong giai đoạn ấy có lợi cho cộng sản thì họ lại lợi dụng tôn giáo tối đa. Trong chủ trương tiêu diệt Phật giáo Việt Nam cũng không ngoài đường lối ấy.

Chẳng hạn, trong thời gian kháng chiến chống Pháp, cộng sản Việt Nam cần phải đoàn kết toàn dân, hơn nữa, cũng chưa rảnh tay để nghĩ đến việc tiêu diệt Phật giáo, cho nên họ lợi dụng Phật giáo bằng cách lập ra cái gọi là Phật giáo Cứu quốc nằm trong Mặt trận Liên Việt. Lúc đó ‘sư cụ’ Phạm Thế Long trụ trì chùa Cổ Lễ tại phủ Xuân Trường tỉnh Nam Định, đưa ra lời kêu gọi thanh niên tăng ‘tạm xếp cà sa khoác chiến bào’, nghĩa là hãy tạm thời cởi bỏ áo nhà tu để đi cầm súng giết Tây. Thế là hàng loạt sư trẻ bỏ chùa bỏ Phật để đi ‘yêu nước’. Đây là chính sách dùng một mũi tên bắt hai con chim một lúc: trước mắt có thêm người cầm súng, đồng thời, lại được cái lợi (mà cái lợi này mới là chủ yếu) là tiêu diệt mầm non của Phật giáo trong tương lai! Mà lại dùng chính sư ra lời kêu gọi để tiêu diệt mầm non Phật giáo mới hợp thức, ai trách được cộng sản bắt sư đi lính! Điều đó cũng dễ hiểu thôi: nếu muốn bắt cò thì phải dùng con cò làm chim mồi, muốn bắt cu thì phải dùng con cu làm chim mồi, chứ nếu muốn bắt cò mà dùng cu làm chim mồi thì bắt sao được. Lại nữa, xét thấy những ngôi chùa lịch sử danh tiếng, điển hình như chùa Thiên Trù (chùa Hương – chùa ngoài) ở huyện Mỹ Đức tỉnh Hà Đông, chùa Quỳnh Lâm tại làng Cổ Pháp xưa (nay thuộc tỉnh Quảng Ninh) do Thiền sư Định Không (702-808) sáng lập vào khoảng năm Trịnh Nguyên đời Đường bên Tàu, cộng sản thấy sau này, khi đã thành công, khó mà tự mình ra tay phá được vì sẽ có ảnh hưởng rất lớn, chi bằng mượn tay quân Pháp cho tiện. Cộng sản bèn đưa quân lính đến đóng tại các chùa đó, treo cờ đỏ sao vàng lên, máy bay thám thính của Pháp đến, thấy có cờ Việt Minh liền báo cho oanh tạc cơ đến thả bom (dĩ nhiên là Việt Minh đã rút trước rồi), thế là chùa tan nát! Trong trường hợp này cũng lại một mũi tên bắn hai con chim: một mặt kích động lòng căm thù của nhân dân, lên án giặc Pháp phá chùa và kêu gọi toàn dân hết lòng đánh Pháp; mặt khác, sau này, khi thành công rồi khỏi phải phá để tránh tiếng cộng sản phá chùa lịch sử danh tiếng!

Tôi cảm thấy xót xa vô hạn khi đến nhìn lại nền chùa Quỳnh Lâm nơi thờ pho tượng là một trong ‘Việt Nam tứ khí’ do Thiền sư Không Lộ, quốc sư đời Lý, kiến tạo. Tôi đến đây vào cuối năm 1991. Nghe người ta kể lại, sau khi Pháp dội bom phải mất hơn một tháng trời mới cháy hết ngôi chùa. Hiện còn lại những cái tảng đá chân cột rất lớn, chứng tỏ những cây cột gỗ lim ngày xưa phải đến một vòng tay người ôm; một vài ngôi tháp đá không bị cháy. Sau ngày cải cách tổ khổ, những gạch của chùa của tháp còn sót lại được dùng để xây nhà nuôi lợn của hợp tác xã ngay trước cửa chùa cũ. Sau ngày ‘đổi mới’, hợp tác xã giải thể, nhà nuôi lợn đã được bán đấu giá. Tôi thấy một vài tấm bia đá đổ úp xuống đất, nhờ người lật lên xem thì thấy khắc pháp danh của mấy vị Tăng thống đời Trần. Ngày tôi đến đây, sau sáu năm đổi mới, dân chúng địa phương đã góp sức làm được ba gian nhà gạch sơ sài trên nền chùa cũ để thờ Phật. Hiện có một vị sư trụ trì, vị sư duy nhất tại tỉnh Quảng Ninh, nhưng cũng là người tỉnh Hà Nam Ninh lên, chứ ở địa phương không còn sư nữa. Tôi được biết hầu hết các tỉnh trên Việt Bắc không còn chùa còn sư nữa. Ngay tại tỉnh Thái Bình chỗ tôi ở, cả tỉnh cũng chỉ còn tám vị sư tăng già tuổi từ bảy mươi trở lên và mấy chục sư ni vừa già vừa trẻ. Sau khi về Vũ Đoài được vài tuần, tôi nghe bộ Văn hóa của Nhà nước cộng sản Việt Nam đã xếp hạng chùa Quỳnh Lâm vào

hàng ‘di tích lịch sử’ có cấp bằng và tổ chức rước hản hoi. Còn gì nữa đâu mà di tích với lịch sử! Đến ngay cái nền nhà nuôi lợn hợp tác xã trước cửa chùa cũng chẳng còn!

Chùa Hoa yên trên núi Yên Tử bị đốt cháy, chùa Phật Tích ở tỉnh Bắc Ninh xây dựng từ đời Lý cũng đã bị phá hủy. Chùa Thầy ở huyện Thạch Thất tỉnh Sơn Tây, nơi thờ Thiên sư Từ Đạo Hạnh, cũng được xây dựng vào đời Lý, đang trong tình trạng xuống cấp nặng nề, ngôi nhà Tổ phải chống đỡ bằng nhiều cây tre, chưa biết sẽ sụp đổ lúc nào. Chùa Pháp Vũ (Chùa Đậu) ở phủ Thường Tín tỉnh Hà Đông, nơi có nhục thân (xác khô) của hai vị Thiên sư đời Lê, một vị đã bị cưa trán ra để khám nghiệm. Chùa chính đã bị phá, còn ngôi bái đường và nhà tổ trong tình trạng xuống cấp. Chỉ có chùa Thiên Trù và chùa Quỳnh Lâm là mỗi chùa có một vị sư, còn các chùa kia không có sư. Những chùa được xếp hạng di tích lịch sử do Ty Văn hóa địa phương quản lý. Du khách đến tham quan hoặc khách hành hương phải mua vé vào cửa và trả tiền bến đậu xe. Hôm đoàn chúng tôi đến lễ, đậu xe chưa đến nửa giờ mà phải trả năm nghìn đồng. Diệt Phật, đồng thời, bán Phật!

Trên đây là mấy ngôi chùa điển hình mà tôi đã đến tận nơi thấy tận mắt và kể lại sơ qua thế thôi, chứ nếu đi sâu vào chi tiết thì còn nhiều điều thương tâm lắm, việc ấy để cho các nhà viết sử Phật giáo sau này.

Đến năm 1954, cộng sản về tiếp thu Hà Nội, đã hoàn toàn làm chủ miền Bắc từ vĩ tuyến 17 trở ra, bắt đầu thực hiện chủ nghĩa cộng sản, nhất là sau cuộc căm thù đấu tranh giai cấp, cải cách tổ khổ, thì ở nông thôn, việc phá chùa đình miếu mạo không còn phải e ngại gì nữa. Nhiều đình chùa bị trưng dụng làm nhà kho chứa thóc lúa, nông cụ, hoặc phá đi lấy gạch, gỗ để làm nhà kho, sân kho, nhà nuôi lợn v.v... của hợp tác xã; cột đình cột chùa bằng gỗ lim đưa ra bắc cầu qua các rạch nước ở ngoài đồng cho những người gánh phân gánh lúa đi qua; các tấm gỗ câu đối sơn son thếp vàng thì dùng đóng ghế dài cho học sinh ngồi học, úp mặt chữ xuống dưới. Đó là ở nông thôn, còn ở thành thị thì chùa được trưng dụng làm cơ sở sản xuất công nghệ, làm trụ sở Ủy ban, làm nơi hội họp, cũng có chỗ làm nhà chăn nuôi. Và để thế tục hóa, chùa nào có sư ở thì dân chúng vào chiếm các nhà phụ cận của chùa để ở, chỉ trừ chùa và nhà Tổ là để cho sư, còn các nhà họ chiếm hết. Họ nấu nướng, ăn uống, phơi quần áo chăn mền, nhìn vào không còn gì là vẻ tôn nghiêm của ngôi chùa nữa. Tôi còn nhớ năm 1975, hòa thượng Thích Đôn Hậu về chùa Ấn Quang kể lại tình trạng chùa Quán Sứ tại Hà Nội, dân chúng vào ở đầy trong chùa, hết như dãy chung cư, chứ không còn là chùa nữa. Rồi hòa thượng có nói với sư cụ Trí Độ như sau: “Cụ ở đây mà để cho ngôi chùa thế này à?” Sau đó hòa thượng Đôn Hậu kể tiếp, tại một cuộc họp của Liên minh Dân chủ Dân tộc và Hòa bình do ông Trịnh Đình Thảo chủ tọa, trong bài phát biểu của mình, sư cụ Trí Độ nói: “Từ ngày được ánh sáng của chủ nghĩa Mác soi đường, tôi mới thấy rõ con đường mình đi!” Thì ra hàng mấy chục năm xuất gia theo Phật, sư cụ vẫn đi trong đêm tối; nhưng đến ngày đó và mãi cho đến lúc chết, tuy không mặc áo Phật, mặc áo cộng sản, nhưng sư cụ vẫn cứ ở chùa và ăn cơm Phật! Khi nghe sư cụ Trí Độ nói thế, một bà Phật tử trước là hiệu trưởng trường Đồng Khánh ở Huế, cũng ra ‘bung’ năm Mậu Thân (1/68), tỏ vẻ khinh thị. Rồi đến bữa ăn, bà này đến chỗ hòa thượng Đôn Hậu xin một món ăn chay, vì bà ăn mười ngày chay mỗi

tháng, mà ngày hôm ấy là ngày 15, một cán bộ nói với bà: “Chị đã đi làm cách mạng mà ăn chay làm gì? Sư cụ Trí Độ kia có kiêng gì đâu?” Bà ta trả lời: “Trước đây tôi đã quy y Phật và tự nguyện sẽ ăn chay mười ngày, chứ Phật không bắt buộc. Đã tự nguyện như thế mà không giữ thì tức tôi đã phản bội chính tôi, vậy là một phật tử xấu. Và đã là một phật tử xấu thì làm sao trở thành người cách mạng tốt cho được?” Người cán bộ kia phải xin lỗi.

Tóm lại, các chùa đều bị trưng dụng để làm cơ sở này cơ sở khác, còn không thì cho người tại gia vào ở làm mất vẻ tôn nghiêm của chùa và thế tục hóa dần dần. Về các cơ sở vật chất thì phá hoại bằng những cách như trên, còn đối với cơ cấu tổ chức của Giáo hội thì cộng sản dùng thủ đoạn quen thuộc là ‘gậy ông đập lưng ông’, nghĩa là dùng tăng ni chia rẽ tăng ni để phá hoại nội bộ Giáo hội.

Trước năm 1954, hòa thượng Thích Tố Liên là trụ sở trưởng lãnh đạo Giáo hội Phật giáo miền Bắc nằm trong Tổng hội Phật giáo Việt Nam toàn quốc, gồm sáu tập đoàn tăng già và cư sĩ Bắc-Trung-Nam. Tổng hội Phật giáo Việt Nam là thành viên sáng lập của hội Phật giáo thế giới. Năm 1957, một số tăng ni hoặc bị hăm dọa, hoặc vì sợ hãi, hoặc cũng có những người vì động cơ danh lợi thúc đẩy, nên đã họp nhau tại chùa Quán Sứ để tố khổ hòa thượng Thích Tố Liên (ta còn nhớ trong thời cải cách tổ khổ, con tố cha, vợ tố chồng, trò tố thầy, tín đồ tố sư, tổ linh mục, anh em họ hàng tố lẫn nhau, gây giờ đến lượt tăng ni tố tăng ni! ‘văn hóa’ cộng sản là thế đó!), rồi đem chùa Quán Sứ hiến cho ‘Phật giáo Cứu quốc’, mời sư cụ Trí Độ về ở chùa Quán Sứ và thành lập Hội Phật giáo mới là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam do cụ Trí Độ làm hội trưởng, thế là Giáo hội Phật giáo truyền thống tại miền Bắc tan rã. Hai mươi bốn năm sau (1957-1982) họ cũng làm hết như vậy đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tại miền Nam (sẽ nói sau). Về mặt tinh thần thì phá hoại bằng cách chùa nào cũng phải muối lợn nghĩa vụ, thậm chí các sư giết lợn giết gà là thường. Nuôi lợn để phá bầu không khí thanh tịnh nghiêm của cảnh chùa, giết lợn giết gà là hủy hoại tinh thần từ bi và giới sát của đạo Phật để thế tục hóa đạo Phật, đó là cách tiêu diệt đạo Phật nhanh nhất.

Trước năm 1954, chùa Quán Sứ là trụ sở Trung ương của Giáo hội Phật giáo miền Bắc, trong đó có viện Phật học đào tạo tăng ni, trường trung học Khuông Việt dạy chương trình thế học, nhà in Đuốc Tuệ in nguyện san Phương Tiện và kinh sách, có thư viện v.v..., nhưng sau khi cộng sản tiếp thu Hà Nội thì viện Phật học giải tán để tăng ni ở đâu về đó lo việc tăng gia sản xuất, trường trung học Khuông Việt đóng cửa, thư viện khóa kín, nguyện san Phương Tiện đình bản và nhà in Đuốc Tuệ bị chiếm dụng. Nghĩa là tất cả mọi hoạt động của Giáo hội hoàn toàn bị đình đốn, hết như trong miền Nam năm 1975.

Bây giờ Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam về đóng đô ở chùa Quán Sứ đã làm được những gì cho Phật giáo miền Bắc? Phải trả lời ngay là chẳng làm được gì cả. Tại sao? Bởi vì chủ trương của cộng sản là tiêu diệt Phật giáo trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn, như vậy làm sao họ để cho Hội Phật giáo hoạt động được? Hơn nữa, như lời hòa thượng Thích Đôn Hậu kể mà tôi vừa nhắc lại ở trên, cụ Trí Độ được ánh sáng của chủ nghĩa Mác soi đường cụ mới thấy rõ đường đi, thì dĩ nhiên bây giờ cụ phải đi con đường sáng

sủa của cụ để truyền bá chủ nghĩa Mác chứ, cụ đâu có làm gì cho Phật giáo nữa. Còn cái Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam của cụ chẳng qua chỉ dùng để phục vụ đường lối chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam bằng cách thỉnh thoảng đi dự một vài hội nghị về hòa bình do phe cộng sản quốc tế tổ chức họp tại Liên Xô, Mông Cổ để lên án giặc Mỹ xâm lược, đồng thời, cũng để cho miền Nam và thế giới biết, dưới chế độ cộng sản miền Bắc, tôn giáo vẫn được tôn trọng, thế thôi, chứ thực chất thì Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam của cụ Trí Độ chẳng làm gì cho Phật pháp, nếu không nói là ngồi làm bù nhìn để hợp thức hóa cho việc cộng sản tiêu diệt Phật giáo. Không phải tôi nói ngoa đâu, lịch sử còn đó.

Xuất phát từ âm mưu tiêu diệt Phật giáo ngắn hạn cũng như trong dài hạn, từ năm 1954 trở đi, cộng sản chỉ cho mỗi chùa một sư già ở làm chủ hộ, còn sư trẻ (nếu có, hiếm lắm) phải về quê cũ sản xuất làm ăn. Sau khi sư già chết, không ai kế tiếp, chùa bỏ không, nếu ở thành thị thì bị trưng dụng làm cơ sở sản xuất, còn ở nông thôn thì ủi bằng đi để làm ruộng cây lúa. Giả sử (hiếm lắm) có ai muốn đi tu thì phải làm đơn và khai lý lịch nộp cho công an, với lý do Nhà nước chọn công dân tốt cho đi tu để ích đạo lợi đời, nhưng có người chờ đến già mà vẫn chưa được phép! Vì Hiến pháp Nhà nước cộng sản có điều khoản “tự do tín ngưỡng, tự do không tín ngưỡng” (một cách chơi chữ), vậy người có tín ngưỡng muốn đi tu, chẳng lẽ lại nói huých toẹt ra rằng anh hay chị không được phép đi tu à? Thôi thì nại lý do “chọn công dân tốt ích đạo lợi đời” để ngăn chặn là hợp hiến hợp pháp nhất! Tôi nghe người ta kể tại thị xã Thái Bình có mấy người xin đi tu, chờ đợi đã lâu mà chẳng được phép, bèn tổ chức ‘thụ giới chui’ ở một chùa nọ bị công an đến tóm cổ hết! Dưới chế độ cộng sản tất cả thượng vàng hạ cám đều do Nhà nước quản lý, nếu tu nhân muốn làm gì riêng phải làm lén lút, họ gọi là ‘làm chui’. Như những người vượt biên gọi là đi chui, bán phở lén gọi là bán chui, rồi đến đi tu cũng thụ giới chui! Những người muốn xuất gia làm tăng ni thì như thế. Còn thanh thiếu niên nam nữ ngoài đời thì đoàn thể nào vào đoàn thể ấy rồi, nếu em nào lại vắng đến chùa thì bị đoàn thể phê bình chế riễu, vì thế chẳng em nào dám bén mảng đến chùa; câu ‘trẻ vui nhà già vui chùa’ được ứng dụng một cách triệt để? Như thế là ngoài đời cũng vậy, chỉ còn một số rất ít các cụ già trăm móm mém hơn bảy tám mươi thuộc lớp người cũ còn lại là được tự do tín ngưỡng đến chùa, những người ấy qua đời rồi thì tín đồ tại gia cũng hết!

Một em bé trai mười hai tuổi ở thị xã Thái Bình chỉ thích đi tu, em thường đến chùa Kỳ Bá tụng kinh, có khi ở lại chùa mấy hôm liền. Tối đến công an vào chùa đuổi, em chui vào gầm giường hoặc trèo lên cây để trốn. Sau nhiều lần như thế, bố mẹ em được gọi lên Ty công an bảo phải đến chùa bắt em về và ra lệnh cho sư già ở chùa không được chứa chấp, nếu không nghe sẽ bị ‘xử lý’. Đó là âm mưu tiêu diệt mầm non của Phật giáo và cộng sản hy vọng trong vòng năm mươi năm là Phật giáo sẽ bị tiêu diệt hoàn toàn trên cả nước. Nhưng người xưa đã nói: “Mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên”; người Tây phương cũng có câu tương tự: “Man proposes, God disposes”, nghĩa là con người mưu tính là một chuyện, nhưng nên việc hay không thì lại do trời. Mà thực vậy, bức tường Bá Linh đã sụp đổ, khối cộng sản Đông Âu và Liên Xô đã tan rã, cộng sản Việt Nam không còn đủ thì giờ để thực hiện được việc đó nữa đâu. Thời đại ‘nhất đội nhì trời’ không còn nữa và chủ nghĩa duy ý chí “thăng trời đứng ra một bên, để cho thủy lợi tiến lên thay trời” cũng

chẳng còn giá trị gì nữa. Khối cộng sản Liên Xô sụp đổ cũng chỉ vì thái độ kiêu căng ngạo mạn và ngông cuồng ấy. Nhà sử học Hy Lạp sống vào thế kỷ thứ năm trước Tây lịch là ông Herodotus đã nói: “Vận mệnh một chế độ chia làm ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là thành công, giai đoạn thứ hai là kiêu căng, giai đoạn thứ ba là sụp đổ.”

Đến năm 1975, cộng sản toàn thắng miền Nam về tiếp thu Sài Gòn. Đối với Phật giáo, đại khái cộng sản cũng làm y hệt như ngoài miền Bắc, nghĩa là cũng chiếm dụng các chùa, các cơ sở giáo dục văn hóa, như các trường trung tiểu học Bồ Đề, viện đại học Vạn Hạnh, các trung tâm văn hóa, từ thiện xã hội từ Trung ương đến các địa phương trên toàn miền Nam, tất cả đều bị chiếm dụng vào các mục đích đại để cũng như ngoài miền Bắc. Các viện Phật học phải giải tán để tăng ni sinh về quê sản xuất, các chùa chỉ để một vài sư già, sư trẻ phải đi nghĩa vụ hoặc về quê làm ruộng, đại khái cũng hệt như miền Bắc. Về cơ cấu tổ chức của Phật giáo thì Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất (từ đây viết tắt là GHPGVNTN) là đối tượng chính mà cộng sản, bằng mọi cách, phải triệt hạ cho bằng được và, dĩ nhiên, cũng dùng thủ đoạn gậy ông đập lưng ông. Nhưng thủ đoạn này chỉ áp dụng được với Phật giáo mà thôi, chứ không dùng được với Công giáo mà họ gọi là ‘cút gà sập’ như đã nói ở trên.

Trước hết, cộng sản để ra cái gọi là ‘Ban Liên lạc Phật giáo Yêu nước’ do sư cụ Minh Nguyệt làm trưởng ban, đặt trụ sở tại chùa Vĩnh Nghiêm ở đường Công Lý Sài Gòn. Đứng về phương diện luận lý mà nói, đã có Phật giáo Yêu nước thì tất phải có Phật giáo không yêu nước, hoặc nói theo ngôn ngữ của cộng sản là ‘Phật giáo phản động’. Vậy cái Phật giáo phản động ấy là Phật giáo nào? Đích thị là GHPGVNTN rồi chứ còn ai nữa. Như vậy, theo chủ trương căm thù đấu tranh giai cấp của Đảng Cộng sản thì, tất nhiên là Phật giáo yêu nước phải đấu tranh để tiêu diệt Phật giáo phản động. Oái oăm thay! Một đảng chính trị như Đảng Cộng sản Việt Nam, lúc nào cũng hô hào đoàn kết, đại đoàn kết, mà lại chủ trương căm thù đấu tranh giai cấp, thì đoàn kết làm sao. Thật là mâu thuẫn.

Phật giáo Việt Nam có mặt trên đất nước này suốt dòng lịch sử trên dưới hai nghìn năm, đã cùng chung một vận mệnh thăng trầm vinh nhục, qua các thời đại, đã có lần nào Phật giáo phản bội dân tộc chưa, để giờ đây phải lập ra Phật giáo yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội để đấu tranh căm thù với Phật giáo phản động? Từ đó, cộng sản dùng các vị tăng ‘yêu nước’, ‘yêu chủ nghĩa xã hội’ đi hăm dọa thúc ép tăng ni trong GHPGVNTN gia nhập ban Liên lạc Phật giáo yêu nước. Hai người hăng hái và đặc lực nhất trong việc này là sư cụ ‘nằm vùng’ Pháp Lan và sư Từ Hạnh. Tuy bị hăm dọa, ép buộc, khủng bố, nhưng chỉ có một số rất ít tăng ni nằm vùng hoặc vì quá sợ hãi mà phải tham gia cho yên thân, còn tuyệt đại đa số tăng ni trong Giáo hội, từ Quảng Trị vào đến Cà Mau, vẫn một lòng trung thành với Giáo hội và kiên trì chịu đựng.

Đến tháng 11 năm 1975, xảy ra vụ tự thiêu tập thể của mười hai vị tăng ni ở Thiền viện Dược sư tại Rạch Gòi thuộc tỉnh cần thơ để phản đối cộng sản đàn áp Phật giáo. Mãi đến tháng 12 năm 1976 vụ ấy mới được báo cáo lên Giáo hội Trung ương, Viện Hóa Đạo GHPGVNTN gửi văn thư khiếu nại với Nhà nước cộng sản, yêu cầu điều tra sự việc. Ông Mai Chí Thọ, lúc đó là giám đốc Sở Công an thành phố Sài Gòn, đến chùa Ấn Quang đề

ngộ Viện Hóa Đạo cử người đi điều tra (xin nói lại ở đây là kể từ ngày 30-4-1975 đến hôm ấy, Viện Hóa Đạo đã gửi tất cả sáu mươi hai văn thư lên Nhà nước cộng sản phản đối và yêu cầu giải quyết các vụ bắt bớ tăng ni Phật tử và đập tượng pháp chùa, lấy chùa làm nhà đỡ đờ, nhưng không hề được trả lời. Đây là lần đầu tiên một thư khiếu nại của Viện Hóa Đạo được đáp ứng và dĩ nhiên họ đã sắp đặt như thế nào để có lợi cho họ rồi đó). Bấy giờ thượng tọa Trí Tịnh đề nghị rằng sự việc xảy ra đã hơn một năm rồi, thôi, xin bỏ qua! Nhưng cố thượng tọa Thiện Minh, thượng tọa Huyền Quang và tôi phản đối đề nghị ấy và yêu cầu Viện Hóa Đạo cử người đi điều tra. Viện liền cử đại đức Hộ Giác và tôi đại diện Viện đi điều tra, nhưng sau đại đức Hộ Giác bận việc khác nên chỉ có tôi đi. Tất nhiên, như tôi vừa nói ở trên, mọi việc đã được Nhà nước cộng sản sắp đặt cả rồi, đi điều tra chẳng qua chỉ là để hợp thức hóa cho cái kết quả mà họ đã định sẵn.

Trong cuộc điều tra này, có ông Huỳnh Châu Sỗ, phó thanh tra Trung ương từ Hà Nội vào, chủ trì cuộc họp. Ngoài ra có nhiều cán bộ địa phương, trong đó tôi đề ý có một người to béo vạm vỡ, lúc nào cũng nhìn tôi trừng trừng với nét mặt hăm hăm dữ tợn, đặng đặng sát khí như muốn ăn tươi nuốt sống người ta, hình như để uy hiếp tinh thần tôi. Về giới sư thì có sư cụ Thiện Hào và sư Huệ Thành là thầy của đại đức Thích Huệ Hiền. Có một số ‘nhân chứng’ được lựa chọn từ địa phương xảy ra vụ tự thiêu được đưa lên ngôi sẵn đó. Sau ngày đầu làm việc tại thành phố Cần Thơ, tôi yêu cầu được về tận Thiền viện Dược Sư cách thành phố Cần Thơ năm mươi cây số để xem xét hiện trường, nhưng họ bảo là về đó không an ninh! Tôi nói bây giờ chính quyền cách mạng làm chủ cả nước còn ai làm gì nữa mà không an ninh. Nhưng đó chỉ là cái cớ, chứ thực thì Thiền viện Dược Sư đã bị san bằng và xối đất lên trồng chuối rồi. Sau khi mười hai tăng ni tự thiêu, cán bộ địa phương kéo mười hai cái xác ra để bên lề đường cho những người qua lại được thấy, sau đó hai ngày họ phun xăng vào đốt rồi tất cả phần còn lại của mười hai xác chết được dôn vào hai cái quan tài và họ đưa đi chôn ở đâu, không ai biết. Sau ba ngày làm việc, ông Huỳnh Châu Sỗ đúc kết biên bản cuộc điều tra qua mấy điểm dưới đây:

1. Huệ Hiền (tức vị trụ trì Thiền viện Dược Sư đứng đầu trong mười hai tăng ni tự thiêu) trước đây làm chỉ điểm (CIA) cho Mỹ Ngụy, sau ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng, y sợ bị cách mạng trừng trị nên đã tự tử và bắt mười một người khác chết theo y;
2. Trước đây Huệ Hiền được Mỹ Ngụy cung cấp lương thực đầy đủ, nhưng nay thấy không còn phương tiện sinh sống nên phải tự tử tập thể;
3. Huệ Hiền đã dâm ô hủ hóa với mấy ni cô, sợ việc ấy bị đổ bể, nên y đã tự tử và đốt chùa cùng với mười một người khác.

Các nhân chứng cũng nói hết như vậy và nhất là sư Huệ Thành, thầy của đại đức Huệ Hiền cũng công nhận như vậy! Sau đó họ bảo tôi ký vào biên bản đúc kết ấy. Tôi nói tôi không ký, vì nội dung biên bản đúc kết hoàn toàn trái ngược với bức thư tuyệt mệnh của đại đức Thích Huệ Hiền đề ngày 29 tháng 9 Ất Mão (2-11-1975) nên tôi không ký. Để chứng minh, tôi đọc nguyên văn bức thư tuyệt mệnh như sau:

Ngày 29 tháng 9 Âm lịch, 1975

Nam mô Đông Phương Giáo chủ lưu li Quang Như Lai tác đại chứng minh.

Để tử chúng con xuất gia, Thiên viện Dược sư, kính dâng lên chư Phật Bồ tát Thánh hiền tăng lời tâm huyết phát nguyện của đệ tử tăng ni toàn chùa, thiêu thân ngày 29 tháng 9 năm Ất Mão, tức ngày 2 tháng 11 năm 1975.

-Để bảo vệ tiền đồ Phật pháp, chánh pháp Như lai bất diệt;

-Để bảo vệ phẩm giá và đức hạnh người xuất gia trường cửu;

-Để bảo vệ ngôi Tam bảo Thiên viện Dược sư bất diệt;

-Tha thiết kêu gọi Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Mặt trận Giải phóng tôn trọng triệt để tự do tín ngưỡng của các tôn giáo đúng mức;

-Tha thiết kêu gọi tăng ni đồng bào Phật tử các giới Việt Nam thân yêu, phải nhứt quyết nhứt tâm bảo vệ trái tim Bắc và Nam theo lời di chúc Hồ chủ tịch vĩ đại Bắc và Nam chỉ một trái tim, nếu một ai xét nát trái tim người Việt Nam, không luận kẻ thù hay kẻ thân đều là phản bội lời di chúc của bác Hồ Chí Minh vĩ đại. Kẻ ấy là nói giáo cho giặc, phản bội dân tộc cách mạng;

-Lá cờ Phật giáo thế giới. Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất tiêu biểu cho sáu hào quang chư Phật là Lục thông chư Phật bất diệt trường cửu;

Cầu nguyện độc lập tự do hòa bình trường cửu bất diệt.

Sau đó, đại đức Thích Huệ Hiền ghi tên mười hai tăng ni do đại đức đứng đầu, phát nguyện tự thiêu vì bảy thỉnh nguyện thư kể trên và đại đức kết luận:

-Chết vinh hơn sống nhục

-Chấp nhận chết để bảo vệ lý tưởng

-Chấp nhận chết để bảo vệ lương tâm

-Chấp nhận chết để bảo vệ chân lý

Đại diện tăng ni

Trụ trì

ấn ký

Đại đức Thích Huệ Hiền

Trên đây là bức thư tuyệt mệnh của đại đức Thích Huệ Hiền viết trước khi tự thiêu cùng với mười một vị tăng ni khác. Nội dung bức thư, như tôi đã nói ở trên, hoàn toàn khác với ba điểm đức kết biên bản điều tra của ông Huỳnh Châu Sô, do đó tôi không thể ký vào biên bản ấy. Họ giữ tôi lại thêm một ngày một đêm để làm áp lực buộc tôi phải ký, họ định dùng tôi để hợp thức hóa cho những điều dối trá của họ, nhưng tôi đã kiên quyết từ chối. Sau cùng họ thấy không lung lạc được nên đành phải đưa tôi về chùa Ấn Quang. Thượng tọa Huyền Quang và các sư thấy tôi về rất mừng, vì đã ba bốn hôm không thấy

tôi về cũng lo. Cuộn băng ghi lại những điều tôi phát biểu trong cuộc họp điều tra thì họ tịch thu không cho tôi mang về, viện lý do đó là ‘bí mật quốc gia’!

Trong chuyến đi này, tôi được biết một chi tiết nhỏ, nhưng mang một ý nghĩa quan trọng. Vào một buổi sáng, tôi vừa điễm tâm xong, một ông cán bộ vào chỗ tôi nói chuyện chơi trước khi ra phòng họp. Ông nói về việc phát triển đất nước, về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng ông nói: “Chúng tôi chưa phải là những người xây dựng chủ nghĩa xã hội chuyên môn, chỉ còn đang thực tập thôi, nhưng làm mãi rồi cũng phải được. Cũng như người thợ mới tập đóng cái bàn (vừa nói ông vừa chỉ vào cái bàn ăn), đóng cái này chưa được thì đóng cái khác, cứ đóng mãi rồi cũng phải được.” Tôi nghe mà giật mình, vì người cộng sản quan niệm việc quản lý một đất nước sao mà quá đơn giản! Đến tháng hai năm 1982, cộng sản đưa tôi ra Bắc quản thúc tại xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, tôi mới nghiệm ra là lời nói của ông cán bộ kia quả đúng. Về nông nghiệp, như tôi đã nói ở phần I, năm 1956, sau cuộc căm thù đấu tranh giai cấp, giết các địa chủ. Đảng cộng sản chia ruộng cho dân làm chủ và lập tổ đội công làm lẫn cho nhau: đây là người thợ đóng cái bàn đầu tiên. Đến năm 1960, Đảng bắt đầu góp hết ruộng vào hợp tác xã lớn để làm chủ tập thể: đây là cái bàn thứ hai. Đến năm 1980, thấy lối làm ăn tập thể thất bại, Đảng đề ra chính sách khoán sản phẩm: đây là đóng cái bàn thứ ba. Đến năm 1985, chính sách khoán sản phẩm cũng chẳng ra gì, Đảng bèn cho khoán trắng: đây là đóng cái bàn thứ tư! Nhưng cái bàn thứ tư này lại càng méo mó, xấu xí hơn ba cái trước nhiều, vì nó đã quay 180 độ trở lại chế độ phát canh thu tô của địa chủ ngày trước mà cộng sản đã giết! Thế mới vỡ lẽ họ chỉ mò mẫm gặp gì làm nấy, hễ được thì làm, hỏng thì bỏ. Chỉ khổ cho những người dân hiền lành đã phải làm vật hy sinh để cho một nhóm người thử nghiệm cái tư tưởng nông công và thiên cận của họ suốt một phần tư thế kỷ (1960-1985), đã phải đổ ra bao nhiêu công của, sức lực và mồ hôi nước mắt để xây dựng hợp tác xã làm chủ tập thể kiểu cộng sản, thì tất cả giờ đây đã bị phá tan hoang. Đây tôi chỉ nói về nông nghiệp thôi, vì tôi sống ở nông thôn, còn các lãnh vực kinh tế cộng sản chỉ huy khác thì tôi không được biết. Nhưng chắc cũng thế thôi; bởi vì cái bàn đóng lần chót này cũng là cái bàn kinh tế thị trường tự do kiểu tư bản!

Trở lại cuộc điều tra vụ mười hai tăng ni tự thiêu tại tỉnh Cần Thơ để phản đối chính sách đàn áp Phật giáo mà cộng sản định gán cho đại đức Thích Hậu Hiền tội làm chỉ điểm cho Mỹ Ngụy và tội hủ hóa để khiến cho cái chết của mười hai vị tăng ni trở thành vô nghĩa, nhưng mưu đồ ấy đã thất bại, vì tôi đã không ký vào biên bản đúc kết để hợp pháp hóa cho mưu đồ ấy của họ.

Từ đó tình hình mỗi ngày một căng thẳng và ngày 3-3-1977 đã đến điễm cao nhất khi cộng sản đến chiếm dụng cô nhi viện Quách Thị Trang ở đường Trần Quốc Toản (phía sau Việt Nam Quốc Tự mà trước đó họ đã chiếm rồi và bây giờ một rạp chiếu bóng rất lớn đã được xây lên tại đó), giật tám bảng mang danh hiệp GHPGVNTN và liệng xuống lề đường. Ngay 11 giờ hôm ấy, nhanh danh tổng thư ký Viện Hóa Đạo, tôi đã ký một thông tư kêu gọi tăng ni sẵn sàng hy sinh để bảo vệ đạo pháp và danh dự Giáo hội. Đến ngày 6-4-1977, thượng tọa Huyền Quang và tôi cùng một số vị khác bị bắt vào nhà tù Phan Đăng Lưu ở Bà Chiểu Gia Định. Ít lâu sau, tôi được biết cố thượng tọa Thích Thiện

Minh cũng bị bắt và đã chết một cách bí ẩn tại sở Công an Sài Gòn ở đường Trần Hưng Đạo. Thật đau đớn, xót xa. Đến ngày 10-12-1978, chúng tôi bị đưa ra tòa xét xử, thượng tọa Huyền Quang và tôi được tha về, còn các vị khác phải ở thêm mỗi người mấy tháng tù nữa.

Sau khi được tha về, chúng tôi lại tiếp tục làm việc Giáo hội như cũ. Khoảng đầu năm 1980, lần đầu tiên cố hòa thượng Thích Trí Thủ, viện trưởng Viện Hóa Đạo, thượng tọa Trí Tịnh, tổng vụ trưởng tổng vụ tăng sư, và thượng tọa Minh Châu, tổng vụ trưởng tổng vụ giáo dục, được Nhà nước cộng sản mời với tư cách cá nhân đi dự cuộc ‘gặp mặt đầu năm’, do ông Nguyễn Văn Linh, bí thư thành ủy chủ trì. Ba vị về cho chúng tôi biết có cả hòa thượng Thích Đôn Hậu và các vị đứng đầu các tổ chức Phật giáo trong cả nước cũng có mặt và mục đích cuộc họp mặt là bàn việc thống nhất Phật giáo Việt Nam. Tôi nghĩ hơi lạ, việc thống nhất Phật giáo mà sao ông bí thư Thành ủy của Đảng Cộng sản lại chủ trì cuộc họp bàn, thế Đảng Cộng sản còn kiêm cả Giáo hội nữa à? Sao mà tham thế? Nhưng lúc ấy chúng tôi nghe các vị thuật lại thì cũng chỉ biết thế thôi chứ không có ý kiến gì, bởi lẽ ba vị được mời dự họp với tư cách cá nhân chứ không liên quan gì đến Giáo hội.

Từ đó trở đi, thỉnh thoảng ba vị lại đi họp rồi về trình bày lại với Ban Chỉ đạo Viện Hóa Đạo các ý kiến trong cuộc họp và yêu cầu Viện Hóa Đạo chính thức được mời và cử đại diện đi dự họp đường hoàng thì Viện sẽ có ý kiến ngay giữa cuộc họp, còn giờ đây ba vị đi họp với tư cách cá nhân thì Viện không dám lạm bàn. Và lại, việc thống nhất Phật giáo là việc của chư tăng hai miền, sao không để cho chư tăng Bắc, Nam họp lại với nhau bàn bạc, mà Nhà nước lại can thiệp vào làm gì. Đất nước đã thống nhất, dĩ nhiên Phật giáo cũng mong được thống nhất, nhưng chúng tôi cho đó là công việc của Phật giáo hai miền chứ không phải công việc của Nhà nước.

Về sau, cố hòa thượng Trí Thủ được ai đó bầu làm trưởng Ban vận động thống nhất Phật giáo, thượng tọa Trí Tịnh phó trưởng ban và thượng tọa Minh Châu làm thư ký. Từ đó ba vị đi họp luôn, có khi ra ngoài Hà Nội, và cứ mỗi lần đi họp về, các vị đưa vấn đề ra trước Viện Hóa Đạo xin góp ý kiến, chúng tôi vẫn không dám bàn đến, lý do là Viện Hóa Đạo có chính thức được mời dự bất cứ cuộc họp nào bàn việc thống nhất Phật giáo đâu, kể cả cái ban Vận động thống nhất Phật giáo do ai lập ra và lập ra tại đâu, Viện Hóa Đạo cũng không biết, thì làm sao Viện góp ý cho được.

Thế rồi vào khoảng cuối năm 1980, văn phòng Viện Hóa Đạo nhận được một văn thư do cố hòa thượng Trí Thủ ký tên với tư cách trưởng Ban vận động thống nhất Phật giáo, xin đến thăm xã giao Viện Hóa Đạo và các vị giáo phẩm của Viện và sẽ được tiếp đón vào ngày giờ nào. Tôi thảo văn thư phúc đáp là sẽ hân hạnh tiếp đón phái đoàn vào ngày giờ đó và xin cho trước một bản danh sách các thành viên và chức vụ trong phái đoàn để tiện việc sắp xếp. Hôm sau tôi nhận được bản danh sách từ chùa Xá Lợi gửi đến, gồm có: sư cụ Phạm Thế Long (ngày trước ngoài Bắc các sư đều lấy họ Thích, nhưng từ khi cộng sản cai trị, họ bắt phải gọi theo họ thế tục, cho nên mới là Phạm Thế Long; còn chùa thì cũng

được coi như một hộ, tức như một gia đình, chứ không gọi là chùa: đây cũng nằm trong âm mưu tiêu diệt Phật giáo dần dần), người mà ba mươi tư năm về trước (1945-1980) đã từng kêu gọi thanh niên tăng miền Bắc lúc bấy giờ là “hãy tạm xếp cà sa khoác chiến bào”, hiện là phó chủ tịch Quốc hội cộng sản, làm trưởng đoàn, cố hòa thượng Trí Thủ phó trưởng đoàn, thượng tọa Trí Tịnh đoàn viên, thượng tọa Minh Châu đoàn viên, đại đức Từ Hạnh (cựu chánh đại diện GHPGVNTN tỉnh Gia Định) đoàn viên. Khi nhìn qua danh sách của phái đoàn ban Vận động thống nhất Phật giáo đến thăm xã giao Viện Hóa Đạo, tôi cứ cười thầm một mình và liên tưởng đến hai câu thơ đầu trong bài thơ ‘Nói chuyện với ảnh’ của nhà thơ Tản Đà:

Người ta cũng giống đa tình
Ngỡ là ai lại là mình với ta...

Vì trong bản danh sách, trừ cụ Phạm Thế Long ra, còn đều là người ‘trong nhà’, và cái ‘tréo căng ngồng’ đến mĩa mai ở đây là các vị ‘chủ nhân ông’ đã tự biến mình thành những người khách xa lạ về ‘thăm xã giao’ nhà mình!

Đúng ngày giờ đã định, phái đoàn đến Viện Hóa Đạo, thượng tọa Huyền Quang, thượng tọa Pháp Trí và tôi tiếp phái đoàn. Sau nghi thức giới thiệu, sư cụ Phạm Thế Long đứng lên nói: “Thưa quý vị! Hôm nay phái đoàn Ban vận động thống nhất Phật giáo chúng tôi đến đây, trước hết, để thăm tổ đình Ấn Quang và tặng ni chùa Ấn Quang, cầu chúc quý vị dồi dào sức khỏe và đạt nhiều thành tích tốt đẹp. Sau xin thưa để quý vị rõ là Đảng chủ trương đất nước đã thống nhất, thì Phật giáo cũng phải thống nhất. Vậy mục đích chúng tôi đến đây hôm nay, như vừa nói ở trên để thăm tổ đình Ấn Quang và cũng để xin quý vị góp ý kiến cho việc thống nhất Phật giáo mà sẽ là ngôi nhà chung cho Phật giáo cả nước.”

Khi cụ Phạm Thế Long dứt lời, ngồi xuống, tôi gọi thư ký đưa hai văn thư của Ban vận động thống nhất Phật giáo xin đến thăm xã giao Viện Hóa Đạo và các vị giáo phẩm trong Viện, và văn thư của văn phòng Viện Hóa Đạo trả lời định ngày giờ đón tiếp phái đoàn như đã nói ở trên. Tôi đọc lại hai văn thư thật rõ ràng, rồi nói: “Thưa phái đoàn, theo tinh thần nội dung văn thư của ban Vận động thống nhất Phật giáo như tôi vừa đọc thì hôm nay phái đoàn đến đây là để thăm xã giao Viện Hóa Đạo và các vị giáo phẩm của Viện. Song, như sư cụ trưởng đoàn vừa nói, thì các vị đến đây là để thăm tổ đình Ấn Quang và tặng ni chùa Ấn Quang để hỏi ý kiến về việc thống nhất Phật giáo, chứ có thăm Viện Hóa Đạo đâu? Vậy, văn phòng của tổ đình Ấn Quang ở đầu ngõ vào, mời quý vị ra ngoài đó, chứ đây là Văn phòng của Viện Hóa Đạo GHPGVNTN.” Nói xong, tôi mời thượng tọa Huyền Quang và thượng tọa Pháp Trí giải tán. Bấy giờ tôi mới thấy cái ‘lắt léo’ và ‘lật lờ đánh lận con đen’ của sư cụ cộng sản: khi muốn đến thăm thì nói thăm ông A, nhưng khi đến nơi thì lại bảo thăm ông B! Có gì đâu, thâm ý của sư cụ nhà ta là cố tình tránh né, không thừa nhận tính hợp pháp của GHPGVNTN, thế thôi. Nhưng nếu hôm ấy mà chúng tôi góp ý kiến thì về sư cụ lại tuyên bố đó là ý kiến của GHPGVNTN!

Thấy tình hình không êm xuôi, cụ Phạm Thế Long định ‘lùi một bước’ để rồi sẽ ‘tiến ba bước’ bằng cách đứng lên chấp tay xin sám hối và xác nhận lại là phái đoàn đến thăm

Viện Hóa Đạo và các vị giáo phẩm của Viện đúng như nội dung văn thư. Lúc đó tôi mới mời thượng tọa Huyền Quang và thượng tọa Pháp Tri ngồi lại tiếp đoàn.

Thượng tọa Huyền Quang phát biểu: “Quý ngài là những người đề xướng việc thống nhất theo chủ trương của Đảng muốn thống nhất Phật giáo, quý ngài là những kiến trúc sư của ngôi nhà Phật giáo cả nước, vậy quý ngài đã có đồ án nào chưa? Kiểu mẫu ngôi nhà ấy như thế nào? Tuy nhiên, theo như lời hòa thượng Thích Đôn Hậu kể lại, thì Giáo hội chúng tôi khó có vinh dự được sống chung trong ngôi nhà Phật giáo cả nước ấy. Vì khi hòa thượng chúng tôi có lần bàn với ông Nguyễn Văn Hiếu, lúc đó là bộ trưởng Văn hóa của Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, xin thống nhất Phật giáo cả nước, thì ông bộ trưởng trả lời hòa thượng chúng tôi rằng; “Thống nhất thì tốt, nhưng thống nhất các tổ chức Phật giáo yêu nước, chứ thống nhất làm gì với Phật giáo phản động!” Hòa thượng chúng tôi hỏi: “Phật giáo phản động là Phật giáo nào?” Ông bộ trưởng không trả lời. Như vậy, chắc Nhà nước muốn ám chỉ Giáo hội chúng tôi là phản động, không được dự phần vào việc thống nhất Phật giáo cả nước, nên chúng tôi không dám đóng góp ý kiến.”

Khi thượng tọa Huyền Quang dứt lời, tôi nói: “Mấy chục năm qua, quý vị ở ngoài Bắc may mắn được sống trong hòa bình, độc lập, tự do, hạnh phúc, chắc quý vị đã làm được rất nhiều việc cho Phật pháp ngoài ấy, còn tại miền Nam này chúng tôi phải sống trong chiến tranh, lại bị kìm kẹp, đàn áp, nên chẳng làm được bao nhiêu phật sự. Mà có làm được chút nào thì Nhà nước cũng trưng dụng cả rồi. Như quý vị chắc đã thấy, các trường trung tiểu học Bồ đề, Viện Đại học Vạn Hạnh, các trung tâm văn hóa và các cơ sở từ thiện xã hội từ trung ương đến các địa phương đều đã phải giao cho Nhà nước. Các Phật học viện thì phải giải tán cho tăng ni sinh ở đâu về đó lo việc sản xuất, thành thử bây giờ Giáo hội chẳng còn gì cả. Cho nên, nếu được vinh dự thống nhất với quý vị thì cũng chỉ với hai bàn tay không thôi. Như vậy, ai cần thống nhất với ai?”

Lúc đó đã đến giờ Ngọ trai, chúng tôi mời phái đoàn ở lại dùng cơm trưa, vì chúng tôi đã chuẩn bị cả rồi. Thế là cuộc thăm xã giao và hỏi ý kiến cũng chẳng mang lại kết quả gì.

Từ đó, cố hòa thượng Trí Thủ, các thượng tọa Trí Tịnh, Minh Châu trong Ban vận động thống nhất Phật giáo tiếp tục vận động, tiếp tục đi họp, và mỗi lần đi họp về, các vị lại thúc ép thượng tọa Huyền Quang và tôi gia nhập thống nhất. Thượng tọa Huyền Quang và tôi chủ trương một cách cương quyết là GHPGVNTN phải chính thức được mời dự họp, họp với ai, ai đứng ra tổ chức họp để bàn việc thống nhất Phật giáo, thống nhất trên cơ sở nào, theo hình thức nào, cơ cấu tổ chức ra sao, và sau khi thống nhất rồi, thì các tổ chức Phật giáo trước kia, không riêng gì GHPGVNTN, mà các tổ chức của các giáo phái khác đề xóa bỏ hẳn, hay còn được giữ lại dưới một hình thức nào đó để lo những sinh hoạt nội bộ, đó là những điều Giáo hội cần phải biết rõ, cần phải bàn cho thấu đáo trước khi thống nhất hoàn toàn, chứ không thể cứ nói thống nhất một cách khơi khơi như vậy được.

Kết luận, chúng tôi cùng đưa ra một ý kiến: “Ngôi nhà GHPGVNTN đây là do tăng ni miền Nam, từ Quảng Trị đến Cà Mau xây dựng nên với sự đóng góp xương máu, nước

mắt của toàn thể tăng ni phật tử miền Nam, họ không thể tất cả tập trung về đây để trông nom ngôi nhà ấy được, nên họ nhờ quý vị và chúng tôi trông nom giữ nhà giùm họ. Nếu bây giờ vì một lý do nào đó, quý vị thấy không thể tiếp tục giữ nhà giùm họ nữa, thì quý vị phải gọi họ về mà trả nhà lại cho họ để họ quyết định, nếu họ muốn giữ lại nhà, thì họ sẽ nhờ người khác, còn nếu họ muốn bán hoặc cho ai thuê thì đó là quyền của họ, chứ quý vị cũng như chúng tôi ở đây không ai có thẩm quyền quyết định việc này. Nói cách khác, Hiến chương Giáo hội đã quy định, Đại hội Giáo hội thường niên là hai năm một kỳ, nhưng khi có vấn đề liên quan đến sự tồn vong của Giáo hội, thì phải triệu tập Đại hội bất thường để giải quyết, chứ Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo không có quyền quyết định. Bây giờ đây chính là lúc có liên quan đến sự tồn vong của Giáo hội, vậy xin hòa thượng Viện trưởng thay mặt Đức Tăng Thống, triệu tập Đại hội bất thường để Đại hội quyết định vấn đề này.”

Sau đó ít hôm, tôi nhận được văn thư của sở công an thành phố mời ra gặp ông Quang Minh (xin nói nhỏ ở đây là tại đất nước Việt Nam độc lập tự do hạnh phúc này, ai nhận được thư sở Công an mời là ‘dựng tóc gáy’ rồi đó, riêng tôi đã có ‘vinh dự’ được nhiều lần như vậy). Khi tôi đến nơi, sau vài câu nói xã giao, ông Quang Minh bảo ‘Đảng’ cần thống nhất Phật giáo trong lúc này và buộc tôi phải đồng ý (tất nhiên với giọng hăm dọa quen thuộc). Tôi nói tôi cũng đã được nghe sư cụ Phạm Thế Long nói chùa Ấn Quang như vậy, rồi tôi đưa Hiến chương Giáo hội ra trình bày cũng như tôi vừa nói ở trên, phải do Đại hội quyết định chứ không có cá nhân hoặc một nhóm người nào quyết định được. Và tôi yêu cầu ông Quang Minh cho chúng tôi triệu tập Đại hội bất thường. Tôi nói rõ bình thường thì mỗi tỉnh cử năm đại biểu hoặc ba, nhưng trong tình hình hiện nay, tôi chỉ yêu cầu cho mỗi tỉnh cử một vị chánh đại diện, nếu chánh đại diện đau ốm, thì vị phó hoặc thư ký, hay bất cứ ai trong ban đại diện đi thay cũng được. Rồi tôi nói với ông Quang Minh thông cảm vì chúng tôi phải làm theo đúng nguyên tắc Hiến chương mà chắc ông làm hành chính thì cũng thế thôi. Nhưng ông Quang Minh bảo không còn thì giờ nữa! Tôi nói việc thống nhất Phật giáo chứ phải đâu là việc hành quân mà gấp rút như vậy. Ông Quang Minh bảo tôi nguyên văn như sau: “Tính ông thì chỉ thích làm anh hùng!” Tôi nói: “Tôi là một nhà sư tu hành mà anh hùng cái nỗi gì, anh hùng rom ấy à!” Ông Quang Minh nói: “Sư thứ dữ chứ phải sư vừa đâu!” Tôi đứng dậy chào ông và thông thả ra về.

Đến khoảng tháng 9 năm 1981, cố hòa thượng Trí Thủ, với danh nghĩa trưởng Ban vận động thống nhất Phật giáo, đề nghị Viện Hóa Đạo cử đại diện Giáo hội đi dự Đại hội thống nhất Phật giáo sẽ họp tại Hà Nội vào cuối năm đó. Tôi đề nghị Nhà nước đã không cho triệu tập Đại hội bất thường thì bây giờ phải triệu tập Hội đồng Viện Hóa Đạo gồm mười một quận Giáo hội Đô thành để thông báo cho họ biết về việc này. Cố hòa thượng Trí Thủ đồng ý.

Hôm sau tôi gửi văn thư mời các vị trong Ban đại diện Giáo hội của mười một quận về chùa Ấn Quang họp. Hình như họ đã đoán trước được là cuộc họp này rất quan trọng nên họ về dự rất đông, không những chỉ có các vị đại diện chính thức của mười một quận, mà còn có cả tăng ni về dự thính, ngồi chật giảng đường, đứng ngoài sân và trên các hành

lang trong chùa. Cố hòa thượng Trí Thủ chủ tọa cuộc họp (xin nhắc lại, với tư cách trưởng Ban vận động thống nhất Phật giáo thì ngài là khách, nên lần trước ngài đã về ‘thăm xã giao’ nhà ngài; nhưng hôm nay với tư cách viện trưởng Viện Hóa Đạo nên ngài chủ tọa cuộc họp). Với tư cách tổng thư ký Viện Hóa Đạo GHPGVNTN, tôi đứng lên tuyên bố rõ lý do triệu tập cuộc họp. Trước hết, tôi đọc lại các văn thư mà Viện Hóa Đạo đã gửi ra phủ Thủ tướng tại Hà Nội nói rõ quá trình thành lập Giáo hội và các cơ cấu tổ chức cùng các hoạt động của Giáo hội tại miền Nam Việt Nam trước ngày đất nước thống nhất, đồng thời, gửi kèm bản Hiến chương và nội quy của Giáo hội để tường trình với Nhà nước. Kế đó, tôi nói với các vị đại diện Giáo hội trong cuộc họp như sau: “Nay hòa thượng Viện trưởng Viện Hóa Đạo đứng ra làm trưởng Ban vận động thống nhất Phật giáo, không biết ai đã thành lập Ban này, thành lập ở đâu và ai đã bầu hòa thượng làm trưởng Ban, Viện Hóa Đạo hoàn toàn không được biết điều đó, và cho đến nay, Giáo hội cũng chưa chính thức được mời dự bất cứ cuộc họp nào bàn về thống nhất Phật giáo. Bởi vậy, Giáo hội chưa biết thống nhất trên cơ sở nào, theo hình thức nào và sau khi thống nhất, tư cách pháp lý của GHPGVNTN sẽ ra sao. Đây là vấn đề tồn vong của Giáo hội, mà theo Hiến chương Giáo hội, phải do Đại hội quyết định. Cách đây mấy hôm, tôi đã được sở Công an mời ra bảo tôi phải đồng ý thống nhất, tôi đã nói với ông Quang Minh (người tiếp tôi) là Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo không đủ thẩm quyền quyết định việc quan trọng này, mà phải do Đại hội Giáo hội. Và tôi đã yêu cầu ông Quang Minh cho chúng tôi triệu tập Đại hội bất thường, mỗi tỉnh cần một vị chánh đại diện hay vị thư ký cũng được, nhưng ông Quang Minh đã không đồng ý, viện lẽ không còn đủ thì giờ! Bây giờ đây hòa thượng Viện trưởng đề nghị Viện Hóa Đạo cử đại biểu Giáo hội đi dự Đại hội thống nhất Phật giáo sẽ họp ngoài Hà Nội, tôi nhận thấy Ban chỉ đạo Viện Hóa Đạo không có quyền làm việc này, mà xin triệu tập Đại hội bất thường thì Nhà nước không cho, bởi thế hôm nay Viện Hóa Đạo mời quý vị về họp để hỏi ý kiến và tùy ý quý vị quyết định.” Trước khi dứt lời để trao quyền điều khiển cuộc họp cho hòa thượng chủ tọa, tôi có bày tỏ một vài ý kiến như sau:

“Kính bạch hòa thượng viện trưởng Viện Hóa Đạo chủ tọa cuộc họp, kính thưa toàn thể quý vị, chắc quý vị cũng như tôi đều thấy rõ hiện nay con thuyền GHPGVNTN đang lên đênh giữa biển khơi và gặp sóng to gió lớn, chưa biết sẽ chìm vào lúc nào. Vậy, nếu những ai trong quý vị có mặt ở đây hôm nay cảm thấy nguy nan sợ hãi mà muốn bước sang thuyền khác để thoát thân, thì xin quý vị ấy cứ việc tự do, không ai ngăn cản cả. Nhưng tôi chỉ xin quý vị ấy một điều là: trước khi bước sang thuyền khác quý vị cứ để mặc cho con thuyền Giáo hội lên đênh trôi giạt trong sóng gió với những người còn ở lại trên đó, họ sẽ cố sức lèo lái, nếu may mắn vượt qua cơn nguy nan mà đến được bến bờ bình an thì họ sống, còn nếu chẳng may con thuyền chìm thì họ cũng sẽ sẵn sàng chết theo nó, chứ quý vị ấy đừng đang tâm nhận chìm con thuyền của mình mà có lần đã từng đưa quý vị đến bờ danh vọng, lợi lộc, trước khi bước sang thuyền khác. Tôi chỉ xin quý vị thể thôi. Tôi dứt lời và cảm ơn quý vị.”

Khi tôi nói xong thì cả hội trường và ngoài sân, ngoài các hành lang nổi lên những tràng pháo tay vang dội, rồi tôi thấy thượng tọa Trí Tịnh đứng dậy đi ra trước tiên, kế đó là thượng tọa Minh Châu và sau cùng là hòa thượng viện trưởng chủ tọa! Thế là cuộc họp tự

nhiên cũng tan. Sau đó tôi nghe có tiếng vọng lại: “Hôm nay thầy Quảng Độ mời chúng tôi về đây để thóa mạ chúng tôi.” Còn lại thượng tọa Huyền Quang và tôi, chúng tôi nhìn nhau một lúc rồi cũng giải tán!

Ba hôm sau, văn phòng Viện Hóa Đạo nhận được bản ‘Thông Báo’ của Ban vận động thống nhất Phật giáo đề ngày 17-9-1981, do thượng tọa Minh Châu ký tên, dài lắm, tôi chỉ còn nhớ một đoạn ngắn, vì có lẽ nó là đoạn quan trọng nhất trong bản Thông báo. Đoạn ấy như sau: “... Thượng tọa Thích Quảng Độ, tổng thư ký Viện Hóa Đạo, đã triệt hạ uy tín toàn Ban vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, phá hoại công cuộc thống nhất Phật giáo, ngang nhiên thách thức với Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là những người đang khuyến khích và hỗ trợ sự nghiệp thống nhất Phật giáo cả nước!”

Bản Thông báo của Ban vận động thống nhất Phật giáo trên đây sau khi được ai đó gửi đi khắp các tỉnh miền Nam, bắt tăng ni học tập rồi ký tên kiến nghị gửi về chùa Ấn Quang yêu cầu Giáo hội trục xuất tôi ra khỏi Giáo hội và không được đặt chân đến chùa Ấn Quang! Không biết ai đã làm việc đó giúp Ban vận động Thống nhất Phật giáo, nhưng dù ai thì tôi thấy cũng có trách nhiệm giúp thêm một tay bằng cách cho dán bản Thông báo trước văn phòng Viện Hóa Đạo và cho in ronéo ra thêm hàng chục ram giấy để phân phát cho tăng ni và phật tử ‘học tập’ cho có hiệu quả hơn. Một phật tử nói với tôi: “Người ta đòi trục xuất thầy ra khỏi Giáo hội và chùa Ấn Quang mà sao thầy lại quảng cáo thêm cho người ta vậy?” Tôi trả lời: “Bao giờ người ta trục xuất hãy hay, bây giờ thầy còn làm việc ở đây thì thầy giúp thêm họ một tay có làm sao, và nếu đạo hữu còn giấy cũ thì cho thầy thêm ít nữa!”

Nhân đây tôi cũng xin thanh minh rằng tôi không chủ trương ‘phá hoại thống nhất Phật giáo’ mà tôi chỉ muốn thống nhất trong tinh thần hòa hợp, đồng thuận đúng theo luật Phật “Hòa hợp phủ? – Hòa hợp!” (chư tăng có hòa hợp không? – Hòa hợp!); nghĩa là việc thống nhất Phật giáo là việc của chư tăng hai miền Nam Bắc, phải do chư tăng hai miền quyết định một cách hòa hợp và đồng thuận, chứ tôi không muốn Nhà nước cộng sản can thiệp vào rồi bắt chúng tôi phải thống nhất theo ý muốn của Nhà nước để sau dễ bề lợi dụng Giáo hội cho những mục đích chính trị và hợp thức hóa cho chủ trương tiêu diệt Phật giáo của Đảng và nhà nước cộng sản.

Còn bảo tôi “ngang nhiên thách thức với Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” thì, trời ơi, ai dám làm điều đó? Bởi vì ai cũng biết Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc là do Đảng Cộng sản Việt Nam lập ra, là hai cơ quan quyền lực nhất nước, cộng thêm biết bao nhiêu máy bay tàu bè, xe tăng thiết giáp, hỏa tiễn thần công, súng đạn đầy người, nhà tù khắp nước, công an như ruồi; còn một nhà sư như tôi trong tay không có lấy một tác sất, vậy họa có là điên rồ hoặc muốn về châu tổ tiên ông bà thì mới dám ‘ngang nhiên thách thức!’ Thượng tọa Minh Châu ác lắm, muốn nhờ cái búa tạ để đập nát một hạt đậu nhỏ đó! Tu hành từ bi mà sao dữ quá vậy. Thượng tọa Minh Châu với tôi có xa lạ gì đâu, cùng đi học với nhau bên Tích Lan rồi sau cùng sang học bên Ấn Độ, chỉ học khác trường mà thôi. Khi Giáo hội mở Viện Đại học Vạn Hạnh thì chúng tôi vừa làm việc trong Viện Hóa Đạo vừa làm việc ở Đại học Vạn Hạnh rất là thân mật quý hóa. Mỗi khi

thượng tọa có việc phải xuất ngoại thì thượng tọa giao quyền viện trưởng xử lý Đại học Vạn Hạnh. Thế mới biết danh lợi dễ làm cho con người hư hỏng, và thế cũng mới biết cộng sản đến đâu là làm tình người tan nát đến đấy. và chỉ mấy tháng sau là thượng tọa Huyền Quang và tôi bị đưa đi quản thúc lưu đày vì bản Thông báo đó. Tôi biết được điều này là vì sau khi tôi bị đưa ra Bắc ít lâu, người ta nói với tôi là họ thắc mắc hỏi công an tại sao lại bắt tôi ra đây, thì công an bảo tôi ở trong Nam chống phá Giáo hội, bởi vậy các ông Trí Thủ, Trí Tịnh, Minh Châu yêu cầu Nhà nước đưa ‘hắn’ (tức là tôi) ra đây để trong ấy họ dễ làm việc, chứ Nhà nước có bắt bớ gì hắn đâu. Cái lợi thống nhất Phật giáo do cộng sản chỉ huy là thế.

Có lẽ thượng tọa Minh Châu chỉ muốn một mình mình sống trong ‘Thiên đường’ thôi, vì trong một chuyến đi Liên Xô với cố hòa thượng Trí Thủ về, thượng tọa Minh Châu đã tuyên bố Mạc Tư Khoa (thủ đô của Liên Xô cũ) là thiên đường trên mặt đất. Thượng tọa Minh Châu cũng đã từng chu du nước Mỹ, đến Hoa Thịnh Đốn, nhưng chắc bơ sữa Hoa Thịnh Đốn không ngon bằng bơ sữa thiên đàng Mạc Tư Khoa! Chưa hết, sau khi thượng tọa Minh Châu xuất gia, bát cơm đầu tiên mà thượng tọa Minh Châu ăn là cơm Bắc tông (tức Đại thừa), bồn sư của thượng tọa là Đức đệ nhất Tăng thống của GHPGVNTN. Sau ngài sang Tích Lan và Ấn Độ học Nam tông (tức tiểu thừa), ngài mặc áo vàng vào rồi tuyên bố các kinh điển Đại thừa (tức Bắc tông) không phải Đức Phật nói (ngụ ý là ma nói), mà Đức Phật chỉ nói có các bộ Trường, bộ Kinh, Trung bộ kinh, Tăng nhất bộ kinh v.v... mà ngài đã dịch ra tiếng Việt thôi. Vậy theo quan điểm của thượng tọa Minh Châu, những người tu theo Bắc tông như tôi là những kẻ ngoại đạo thì không có tư cách được sống ở thiên đường, vì Sài Gòn cũng sẽ là một thiên đường, cho nên phải đuổi nó xuống địa ngục!

Đến cuối năm 1981, Đại hội thống nhất Phật giáo chính thức được mở ra tại Hà Nội. Tôi được biết, thượng tọa Thích Thiện Siêu cầm đầu một phái đoàn mười người nói là đại diện cho GHPGVNTN, có văn thư đề cử đóng khuôn dấu Viện Hóa Đạo đường hoàng, tôi rất đỗi ngạc nhiên. Bởi vì thượng tọa Thiện Siêu có chức vụ gì trong Viện Hóa Đạo đâu, mà Viện Hóa Đạo cũng không cử thượng tọa Thiện Siêu làm đại biểu của Viện đi dự họp, còn khuôn dấu Viện Hóa Đạo do tôi giữ, khi đến văn phòng thì tôi mang đến, hết giờ làm việc thì tôi mang về, vậy khuôn dấu đâu ra? Lúc đầu tôi không tin, bởi lẽ tôi biết thượng tọa Thiện Siêu là bậc học thức, có đức hạnh, tôi rất kính trọng thượng tọa và tuyệt đại đa số tăng ni miền Nam cũng thế, không tin thượng tọa lại có thể làm một việc như vậy, nhưng sau tôi mới biết rõ đó là sự thật!

Trong Đại hội ấy, cố hòa thượng Trí Thủ được bầu làm trị sự trưởng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (do cộng sản chỉ huy), thượng tọa Trí Tịnh đệ nhất phó trị sự trưởng, thượng tọa Minh Châu thư ký văn phòng II đặt tại chùa Xá Lợi ở Sài Gòn, thượng tọa Thiện Siêu và các vị khác đều có chức vụ, nghĩa là tùy theo công lao nhiều ít, đều được tưởng thưởng cả.

Tôi còn nhớ tháng 12 năm 1978, sau khi tôi được tha từ nhà tù Phan Đăng Lưu về, một vị đệ tử của thượng tọa Trí Tịnh, trước kia có học tôi ở Đại học Vạn Hạnh, từ Thủ Đức lên

thăm tôi, vị ấy nói với tôi là “thầy con (tức thượng tọa Trí Tịnh) bảo thầy con là bậc đại trí mới tránh được những tai nạn”. Đến nay tôi nghĩ lại thì thấy thượng tọa Trí Tịnh và thượng tọa Minh Châu quả thực là hai bậc đại trí. Năm 1963, ông Ngô Đình Diệm đàn áp Phật giáo, tăng ni Phật tử buộc lòng phải đứng lên chống lại; nửa đêm 20 tháng 8 năm 1963, ông Diệm cho cảnh sát tấn công tất cả các chùa trên toàn miền Nam, bắt hết tăng ni. Sáng hôm sau các Phật tử ở Thủ Đức biết tin ấy, vào chùa Vạn Đức báo cho thượng tọa Trí Tịnh biết và khóc lóc. Thượng tọa Trí Tịnh bảo họ: “Các sư tu hành mà làm chính trị thì người ta bắt là phải, còn khóc lóc gì!”.

Nhưng, sau khi chế độ Ngô Đình Diệm đổ, GHPGVNTN được thành lập thì thượng tọa Trí Tịnh ra giữ chức tổng vụ trưởng tổng vụ Tăng sự. Đến tháng 4 năm 1975 thì thượng tọa Trí Tịnh không dự một cuộc họp nào của Viện Hóa Đạo nữa. Ngày 30-4-1975 cộng sản toàn thắng về tiếp thu Sài Gòn; ngày 15-5-1975 cộng sản tổ chức ăn mừng chiến thắng có diễn binh trước dinh Độc lập và truyền hình trực tiếp. Khi nhìn vào TV, trên khán đài danh dự, tôi đã thấy thượng tọa Trí Tịnh đang ngồi chễm chệ trên đó rồi, thật là bậc đại trí! Còn thượng tọa Minh Châu thì năm 1964 mời từ Ấn Độ trở về và được Giáo hội mời làm tổng vụ trưởng tổng vụ Giáo dục kiêm viện trưởng Viện đại học Vạn Hạnh. Năm 1972 cuộc chiến Việt Nam đã đến giai đoạn khốc liệt. Người ta chưa quên Quảng Trị mùa hè rực lửa. Lúc đó, Hội nghị Tôn giáo Thế giới về Hòa bình (The World Conference on Religion and Peace) vận động hòa bình cho Việt Nam và mời Giáo hội tham gia. Tình hình chiến sự ngày càng sôi động và đến khoảng tháng 3 năm 1975, thượng tọa Minh Châu cũng không dự cuộc họp nào của Viện Hóa Đạo nữa và tuyên bố tách rời khỏi đường lối vận động hòa bình của Giáo hội. Thượng tọa Minh Châu nói ngài chỉ chuyên về lãnh vực văn hóa giáo dục mà thôi. Nhưng đến năm 1976 thì thượng tọa Minh Châu lại ra ủng hộ vào Quốc hội thống nhất đầu tiên của cộng sản và cho đến nay (1992) ngài vẫn còn ngồi trong cơ quan đó. Thì ra thượng tọa Minh Châu thích làm chính trị cộng sản chứ không thích vận động hòa bình. Cũng là một bậc đại trí hiếm có.

Kể từ ngày cố hòa thượng Trí Thủ được bầu làm trị sự trưởng của Giáo hội nhà nước thì GHPGVNTN không còn viện trưởng Viện Hóa Đạo. Không có viện trưởng thì phó viện trưởng lên quyền viện trưởng cho đến khi có Đại hội bầu lại đúng như Hiến chương Giáo hội đã quy định. Do đó, thượng tọa Huyền Quang là đệ nhất phó viện trưởng lên làm quyền viện trưởng và chúng tôi vẫn tiếp tục làm việc Giáo hội như thường. Có lẽ Nhà nước cộng sản Việt Nam nghĩ rằng, nếu cứ để thượng tọa Huyền Quang và tôi tiếp tục làm việc như vậy, thì sau này Giáo hội nhà nước sẽ khó lòng đến chiếm văn phòng Viện Hóa Đạo được; mà nếu không chiếm được văn phòng và trụ sở trung ương của Giáo hội thì cũng khó bắt các giáo hội địa phương theo Giáo hội nhà nước, cho nên việc phải đến đã đến và dựa vào thông báo của thượng tọa Minh Châu tố cáo tôi “ngang nhiên thách thức với Chính phủ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” như tôi đã nói ở trên làm cơ sở.

Lúc bốn giờ chiều ngày 24-2-1982, tôi nhận được một văn thư của sở Công an thành phố, ngoài bì để ‘hỏa tốc’. Tôi mở ra xem thì biết tôi được ‘mời’ đến sở Công an vào đúng 8 giờ ngày 25-2-1982, lý do cho biết sau, do ông Quang Minh tiếp đón (lại Quang-Minh! Kể ra tôi cũng có ‘duyên’ với ông này lắm, có lẽ đã từ bao kiếp trước! Tôi không biết

chức vụ của ông, nhưng chắc là cấp cao. Suốt thời gian tôi ở trong nhà tù Phan Đăng Lưu, cứ mỗi tuần dần dần mỗi tháng tôi lại được ‘tiếp’ ông ta một lần để ‘làm việc’ (tức lấy khẩu cung). Rồi sau khi ra khỏi nhà tù tôi cũng được ông tiếp luôn và có lẽ lần này là lần chót. Người thứ hai mà tôi cũng ‘kết duyên thăm thiết’ đó là ông Mai Chí Thọ, giám đốc sở Công an thành phố và sau là bộ trưởng bộ Nội vụ; tôi cũng được ông hỏi thăm sức khỏe luôn). Lại một lần ‘dựng tóc gáy’.

Đúng 8 giờ ngày 25-2-1982, tôi tới sở Công an, được đưa đến một căn phòng ngồi chờ và có hai anh công an đồng phục mang súng lục đứng canh gác. Đúng là dựng tóc gáy rồi. Tôi nghĩ bụng lại một phen đi nghỉ mát! Khoảng một tiếng đồng hồ sau, chắc họ cho là khùng bố thế đã đủ, tôi được đưa vào gặp ông Quang Minh. Ông ta nói: “Ông làm việc tôn giáo cũng là làm chính trị (!), chúng tôi sẽ có thái độ với ông.” Thế rồi khoảng năm phút sau, ông Quang Minh đứng dậy đọc bản quyết định, do ông Lê Quang Chánh ký tên, ông này là phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố, trực xuất tôi ra khỏi thành phố. Sau ít phút, một người gọi là trưởng toán đưa tôi đi đến lãnh nhiệm vụ và bốn anh công an vũ trang đầu đủ áp giải tôi xuống xe đưa đi, hệt như một vụ bắt cóc người đòi tiền chuộc! Lúc ấy là 9 giờ 30. Khi đến ngã ba Dầu Giây thuộc tỉnh Long Khánh, đoàn xe chùng mườì cái dừng lại tại một khu rừng cao su nghỉ để ăn trưa, tôi thấy thượng tọa Huyền Quang ngồi cách tôi độ mườì mét, lúc ấy tôi mới biết thượng tọa Huyền Quang cũng được đi ‘ngao du sơn thủy’ trong chuyến này (sẽ kể tiếp cuộc hành trình ngao du sơn thủy trong phần Phụ lục sau).

Kể từ ngày đó, các sinh hoạt của GHPGVNTN hoàn toàn bị đình đốn.

Sau đó, cố thượng tọa Trí Tuệ, trị sự trưởng trung ương của Giáo hội Nhà nước về chiêm văn phòng Viện Hóa Đạo tại chùa Ấn Quang làm văn phòng Thành hội Phật giáo của Giáo hội nhà nước. Hòa thượng Thích Đôn Hậu, chánh thư ký kiêm xử lý Viện Tăng Thống GHPGVNTN, đã gửi văn thư phản đối việc làm ấy của cố thượng tọa Trí Thủ. Rồi từ đó trở đi tất cả tổ chức của GHPGVNTN từ trung ương đến các địa phương đều bị buộc phải hạ bảng hiệu của Giáo hội xuống và trưng bảng hiệu của Giáo hội nhà nước lên thay, luôn cả trụ sở, nhân viên của GHPGVNTN trước đây, cũng được biến thành trụ sở, nhân viên của Giáo hội Nhà nước, cũng chánh đại diện, thư ký và ban này ban nọ, hệt như cơ cấu tổ chức của GHPGVNTN, chỉ khác có tên gọi ‘Giáo hội Phật giáo Việt Nam’ tức Giáo hội Nhà nước mà thôi. Thật là một đòn gậy ông đập lưng ông hiểm độc. Đây mới chỉ là mưu đồ ngắn hạn, tức mới chỉ dùng người của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất để triệt hạ GHPGVNTN, còn về dài hạn, thì cái Giáo hội Phật giáo Nhà nước ấy được dùng để tiêu diệt Phật giáo một cách hợp thức hợp pháp, cũng như cái Giáo hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam do sự cựa Trĩ Độ làm hội trưởng ngoài miền Bắc trước đây vậy. Và cuối cùng, khi đã thực sự tiến lên ‘thiên đường cộng sản’ rồi thì chính cái Giáo hội Nhà nước ấy cũng sẽ bị tiêu diệt.

Nhưng cái viễn tượng thiên đường cộng sản ấy xem ra còn xa vời lắm, nhất là từ khi bức tường Bá Linh sụp đổ, khối cộng sản Đông Âu và Liên Xô tan rã, khiến thế đứng của cộng sản Việt Nam lung lay, thì giờ đây cộng sản lại lợi dụng Phật giáo làm chỗ dựa, đưa

vận mệnh của Phật giáo Việt Nam ràng buộc vào với chủ nghĩa xã hội, cũng như nửa thế kỷ trước, cộng sản Việt Nam đã đưa vận mệnh nước Việt Nam ràng buộc vào với khối cộng sản quốc tế. Cũng như mấy chục năm qua, cộng sản đâu có nhắc đến ngày giỗ Tổ Hùng Vương, nhưng bây giờ ngày 10 tháng 3 âm lịch mới dờ trò tế Tổ. Rồi nghe đâu bây giờ trong miền Nam, cộng sản cho các chùa thu nhận người xuất gia và cho mở các trường Phật học cơ bản để đào tạo tăng ni. Cũng nghe đâu vào ngày Phật đản và ngày Tết, các quan chức Đảng và Nhà nước có đến các chùa ‘lễ Phật’! Chao ôi, quý hóa thay! Các Ngài vô thần đến lễ Phật, Phật tổ chứng minh công đức! Nhưng giá như từ năm 1945, 1954, hay ít ra từ năm 1975 mà các ngài nhà ta làm thế thì có tốt hơn không? Tuy nhiên, màn thừa chẳng che nổi mắt thánh đâu. Bất quá ‘giết chẳng được thì tha làm phúc’ đó thôi, chưa tiêu diệt được thì hãy lợi dụng đã, ‘lùi một bước để tiến lên ba bước’ mà! ‘Phân gà’ thì gạt lúc nào mà chẳng được. Thật vậy, nói đổ xuống sông xuống biển, nếu mai một đày bức tường Bá Linh lại được xây lại, khối cộng sản Đông Âu và Liên Xô được khôi phục, và cộng sản Việt nam lại có cái thế ‘thừa thắng xông lên’ của năm 1975, thì làm gì còn chùa để các ngài vô thần đến lễ Phật! Tôi còn nhớ sau ngày 30-4-1975, khẩu hiệu: “Chủ nghĩa Mác-Lênin bách chiến bách thắng muôn năm!”, “Chủ nghĩa Mác-Lênin vô địch bất diệt” được treo trên khắp các nẻo đường ở Sài Gòn, và hang cùng ngõ hẻm nào cũng thấy các tấm bảng đỏ sao vàng trông chói cả mắt. Rồi đến ngày kỷ niệm cách mạng tháng 10 Nga thì tổ chức kéo dài cả tháng. Lúc đó có ông cộng sản nào nhắc đến ngày 10 tháng 3 giỗ Tổ Hùng Vương hoặc đến chùa lễ Phật đâu? Cũng như nếu cộng sản đã đào mồ chôn sông được ‘bọn’ tư bản rồi thì bây giờ làm gì còn tư bản để các ngài rước vào Việt Nam và xin gia nhập khối Tư bản Đông Nam Á mà trước kia các ngài cho là tay sai đế quốc Mỹ! Đập tượng phá chùa để rồi đến lễ Phật, chôn sông tư bản để rồi đi theo tư bản, kẻ cũng giỏi, cũng hay!

Tóm lại, đạo Phật đã truyền vào Việt Nam trên dưới hai nghìn năm, đã cùng chung vận mệnh thăng trầm vinh nhục với dân tộc Việt Nam trong suốt dòng lịch sử ấy. Đạo Phật đã cống hiến những gì cho dân tộc Việt Nam? Vấn đề này đã được ghi rõ trong sử sách, ở đây tôi không dám nhắc lại sợ dài dòng và có thể bị cho là chủ quan. Tôi chỉ xin trích một đoạn rất ngắn trong cuốn sách Lý Thường Kiệt của giáo sư Hoàng Xuân Hãn ở phần thứ ba chương XIV trang 429 nói về đạo Phật đời Lý và kết luận như sau:

“Nói tóm lại, sau các đời vua hưng hãn họ Đinh, Lê, ta thấy xuất hiện ra những kẻ cầm quyền có độ lượng khoan hồng, những người giúp việc ít tham lam phản叛. Đời Lý có thể gọi là nhờ ảnh hưởng đạo Phật. Mà thực vậy, mỗi lúc ta thấy có Nho gia bài xích Phật giáo, thì ta biết rằng trong nước sẽ có cuộc tranh quyền lợi mà giết lẫn nhau. Sau khi Đàm Dĩ Mông sa thải tăng già, thì có Trần Thủ Độ tàn sát họ Lý. Cuối đời Trần, Nho học nên thịnh. Có Trương Hán Siêu, Lê Quát chỉ trích Phật giáo, thì sau lại có Hồ Quý Ly sát hại họ Trần. Trần Thủ Độ, Hồ Quý Ly làm những việc kia, ấy cũng vì muốn thi hành chính sách vị danh, xa hẳn lòng bác ái từ bi của Phật.”

Còn một điều rất căn bản tôi muốn nói ở đây là: bất cứ ai, muốn trở thành một Phật tử chân chánh, thì trước hết phải lãnh nhận ba quy y Phật, Pháp, Tăng và sống theo năm giới

điều: Không giết hại, không trộm cướp, không gian dâm, không nói dối, không uống rượu. Đó là đời sống đạo đức.

Ngày xưa, sau khi đánh bại Sở bá vương Hạng Vũ thống nhất Trung Hoa, Hán cao tổ Lưu Bang rất kiêu căng ngạo mạn, hay chế diễu chửi bới các nhà Nho, có khi gặp Nho sinh thì bắt họ bỏ mũ ra rồi cao tổ đi tiêu vào mũ của họ! Nhà trí thức Giả Nghị thấy thế khuyên cao tổ đọc sách, Lưu Bang trả lời: “Nãi công cư mã thượng nhi đắc thiên hạ an sự thi thư?” (nghĩa là “Ta đây ngồi trên lưng ngựa mà được thiên hạ, cần gì phải đọc sách?”) Rõ là giọng của kẻ võ biên gặp thời, kẻ tiểu nhân đắc thế. Giả Nghị thưa: “Chúa công có thể ngồi trên lưng ngựa mà được thiên hạ, nhưng không thể ngồi trên lưng ngựa mà trị thiên hạ!” Thật là chí lý. Các vua chúa Việt Nam đời Lý, Trần thông minh và khiêm tốn hơn Hán cao tổ của Tàu; họ tự biết giới hạn của mình, họ biết không thể cứ cậy có nhà tù, quân đội, công an mà làm được tất cả mọi việc, mà khiến được dân trở nên lương thiện. Bởi thế họ đã làm chùa và khuyến khích việc làm chùa ở khắp nơi để nhờ Phật nhờ tăng dạy dân sống theo ba qui y và năm giới điều để xây dựng một xã hội có đạo đức, nhân ái, lễ nghĩa, hiếu thảo và độ lượng, nhờ đó xã hội được yên vui.

Tâm lý con người kẻ cũng lạ. Ngày nay tôi nhận thấy thanh niên ở miền Bắc, phần nhiều họ không sợ nhà tù, họ ra rồi vào, cứ như là đi... nghỉ mát ấy. Thậm chí họ còn nói thanh niên nếu không vào tù ít ra là vài ba lần trong cuộc đời thì không phải là thanh niên! Vậy mà khi đến chùa Vũ Đoài, nghe tôi nói về đạo Phật, về nhân quả báo ứng, về địa ngục v.v... các anh đâm ra sợ và bỏ nghề bất chính, nhất là nghề đồ tể thì nhiều anh bỏ.

Như vậy, khi Đảng Cộng sản Việt Nam, theo giáo điều vô thần duy vật của chủ nghĩa cộng sản quốc tế, nhằm tiêu diệt đạo Phật, phá hủy đình chùa, tức là đã đập đổ nền đạo đức của dân tộc, hủy hoại di sản kiến thức văn hóa của tổ tiên, phản bội tinh thần nhân ái truyền thống của dân tộc, tinh thần ‘dĩ hòa vi quý’ của ông cha từ ngàn xưa để thay bằng căm thù đấu tranh giai cấp, cộng thêm với việc dạy con tó cha, vợ tó chồng, anh em họ hàng và thầy trò tổ lẫn nhau trong cuộc cải cách ruộng đất ‘ôn nghèo gọi khổ’ tại miền Bắc năm 1956 và đánh tư sản tại miền Nam năm 1975, đã khiến cho cả nền đạo đức nhân nghĩa của dân tộc gây dựng hàng nghìn năm bị đổ nát tan hoang, tôn ti trật tự xã hội bị đảo lộn và luân thường đạo lý phải bại hoại. Hậu quả là ngày nay con lợn chết thì người ta khóc, bố mẹ chết thì người ta mừng; khi con lợn đau ốm thì người ta lo chạy chữa thuốc thang, tráng trứng gà cho lợn ăn, còn bố mẹ ốm đau thì nằm khô chờ chết! Người ta kể câu chuyện một anh nọ ở thành phố nuôi chó tây để bán, mua giường sẩm màn cho chó ngủ, mua thịt bò, trứng gà cho chó ăn; bà mẹ ốm đau nằm không, thấy thế thèm quá, nói với con: “Tao ốm nằm đây, chẳng có gì ăn mà thấy mày cho chó ăn thịt bò, trứng gà tao thèm quá!” Người con trả lời: “Bà biết không? Bạc triệu đấy! Còn bà thì làm ra được đồng nào mà đòi ăn thịt bò với trứng gà? Bà chết mau đi còn may nữa!” Khủng khiếp chưa, con Rồng cháu Tiên! Còn tình trạng con cái chửi bố mẹ thì xảy ra như cơm bữa, thậm chí giết cả bố mẹ. Đáng lo lắng thay! Sự tàn phá về vật chất, khi sửa chữa hoặc xây dựng lại, tương đối còn dễ, nhưng sự hủy hoại về tinh thần này không biết đến đời nào mới vẫn cứu được. Đó là sự sai lầm của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với Phật giáo nói riêng và đối với văn hóa truyền thống của dân tộc nói chung.

* * *

KẾT LUẬN

Tôi chắc rằng, khi Đảng Cộng sản Việt Nam đọc bản Nhận định này, sẽ cho tôi là chống Đảng, mà chống Đảng tức là chống Tổ quốc, hơn thế nữa là chống Trời, thì chắc chắn là sẽ bị đầu tó đến chết thôi. Tôi đã ý thức rõ điều đó, nhưng tôi sẵn sàng đón nhận, bởi vì những điều tôi nói trong bản Nhận định này đều là sự thật, vậy nếu phải chết cho sự thật, thì cũng chẳng có gì đáng ân hận, hối tiếc cả. Và lại, tôi cũng chẳng còn gì trên đời này nữa: bố tôi đã chết sớm, mẹ tôi thì đã bị cộng sản Việt Nam bắt đi đày cùng với tôi năm 1982 và đã chết thảm thương tại xã Vũ Đoài năm 1985, sự phủ (bỏ sự) tôi là hòa thượng Thích Đức Hải, từng du học nước Pháp, đã bị Việt Minh đến chùa bắt vào lúc 8 giờ sáng ngày 19-8-1945, tức ngày 12 tháng 7 năm Ất Dậu, ngày cách mạng thành công, đưa đến sân đình làng Bật, gần nhà ông Bùi Bằng Đoàn, ở phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông xét xử và kết án tử hình về tôi ‘Việt gian bán nước’, rồi đưa thầy tôi ra bãi cỏ trước đình bắn vào màng tang thầy tôi ba phát súng lục, một dòng máu đỏ tươi phun lên thẳng tắp, cho đến nay, tôi vẫn còn nhớ như in, vì lúc đó tôi đã 18 tuổi. Nhân đây tôi cũng xin minh oan cho thầy tôi không phải Việt gian bán nước mà nguyên nhân như sau:

Vì năm Giáp Thân (1944), nhiều nơi người Nhật bắt dân phá lúa đi để trồng đay, và tháng 10 năm ấy lại mất mùa, nên năm Ất Dậu (1945) dân đói lắm, nhất là hai tỉnh Thái Bình, Nam Định, người chết đói nằm ngổn ngang đầu đường. Những ai còn sức đi được, họ kéo nhau lên Hà Nội, Hà Đông để xin ăn, nhiều người đến nơi thì kiệt sức nằm chết ngoài đường phố. Lúc đó thầy tôi đang ở chùa làng Thanh Sam phủ Ứng Hòa tỉnh Hà Đông, nghe người ta nói thương tâm lắm, thầy tôi bèn ra thị xã Hà Đông, lập hội cứu tế giúp người đói, lúc ấy là tháng 3 năm 1945. Thầy tôi mở một khu trại và đưa người đói về đó để nuôi. Bấy giờ thầy tôi có nhờ ông Hồ Đắc Diễm là tổng đốc Hà Đông, can thiệp với người Nhật xin một số gạo để cứu đói. Hội đã cứu được nhiều người qua cơn đói, đến tháng 6 năm 1945 thì những người đói đã khỏe mạnh, tất cả họ đã trở về quê cũ để thu hoạch vụ chiêm, trại đóng cửa và thầy trò tôi cũng về chùa. Có thể thôi. Vậy mà đến ngày 19-8-1945 cách mạng thành công, Việt Minh lên án thầy tôi là theo Nhật, bán nước rồi giết như tôi vừa nói ở trên. Ngày ấy có rất nhiều người chết tương tự như thế.

Đến lượt sư bá tôi (tức là anh trong đạo của thầy tôi), là hòa thượng Thích Đại Hải, trụ trì chùa Pháp Vân (chùa Dâu) ở tỉnh Bắc Ninh, cũng bị Việt Minh bắt năm 1946 và sau đó đã chết về tội đảng viên Quốc Dân Đảng! (Tôi mở ngoặc đơn để nói thêm rằng, những người Quốc Dân Đảng là ai? Họ cũng là những người yêu nước, đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, mà các liệt sĩ Quốc Dân Đảng tại Yên Bái còn đó, họ có nợ máu gì với cộng sản Việt Nam đâu mà sao cộng sản nỡ đang tâm giết họ? Trong cuộc cải cách đầu tó năm 1956, Quốc Dân Đảng được xếp vào kẻ thù hàng đầu (tức là trí thức) và nếu bị phát hiện đều phải bị giết chết. Chẳng qua cộng sản Việt Nam học chính sách của cộng sản Tàu mà thôi. Vì Quốc Dân Đảng Trung Hoa (Tướng Giới Thạch) đã từng nắm chính quyền và đánh nhau với cộng sản Tàu, khiến Mao Trạch Đông phải mở cuộc ‘vạn lý trường chinh’. Đến tháng 12 năm 1949, Mao Trạch Đông chiếm toàn lục địa Trung Hoa, Tướng Giới

Thạch phải chạy ra đảo Đài Loan, sau đó họ Mao ra lệnh giết hết đảng viên Quốc Dân Đảng Trung Hoa còn lại, không chạy kịp để trả thù. Tuy vậy họ Mao vẫn chưa hả dạ, còn ngờ có kẻ len lỏi trốn thoát trong hàng ngũ các nhân viên của chế độ cũ, phải phát giác để tiêu diệt cho bằng hết. Bởi vậy, đến năm 1956, họ Mao tung ra chiến dịch ‘Trăm hoa đua nở’, nghĩa là cho phép tất cả mọi người được tự do nói ra những điều mình không bằng lòng với chế độ cộng sản để Đảng sửa sai. Ai cũng tưởng thật và có điều gì giấu kín trong tâm tư đem phun ra hết. Thế là họ Mao tiêu diệt tất cả những người nhẹ dạ, hầu hết là đảng viên Quốc Dân Đảng, đã tin vào chiến dịch Trăm hoa đua nở! Nhưng còn ở Việt Nam thì Quốc Dân Đảng đã nắm chính quyền bao giờ đâu, đã có đánh nhau với cộng sản Việt Nam đâu mà cứ hễ ai là Quốc Dân Đảng là phải giết hết!)

Rồi đến sư tổ tôi (ông nội trong đạo), trụ trì chùa Trà Lũ Trang, phủ Xuân Thường tỉnh Nam Định, năm 1954, cộng sản vào chùa bảo tổ tôi là dùng thuốc phiện tôn giáo ru ngủ nhân dân, sẽ bị qui định thành phần và đưa ra đấu tố, thế là tổ tôi sợ quá phải tự thắt cổ chết!

Nay đến lượt tôi cũng đã bị cộng sản Việt Nam giam cầm đầy đọa suốt mười mấy năm rồi, chỉ vì cái ‘tội’ trung thành với lý tưởng đạo Phật, muốn bảo vệ nền văn hóa truyền thống của dân tộc, di sản tinh thần và kiến trúc vật chất của tổ tiên, thế thôi, chứ có tranh giành quyền lợi gì với ai đâu. Vì, theo tôi, văn hóa truyền thống và di sản tinh thần của tổ tiên rất là quan trọng, nhờ đó mà dân tộc Việt Nam đã không bị đồng hóa bởi các thế lực phong kiến, đế quốc và thực dân xưa cũng như nay, khi thống trị Việt Nam trước sau có tới hơn nghìn năm. Dĩ nhiên, vì đã lâu đời nên nền văn hóa cô truyền của chúng ta cũng đã có những cái lỗi thời, ta nên bỏ đi, rồi học hỏi những cái hay cái đẹp của thế giới mà bồi bổ thêm cho mạnh, thì được, chứ nếu chúng ta bảo nó đã lâu đời quá rồi, không còn thích hợp với đời mới nữa, thôi bỏ hết nó đi để thay vào đó một thứ văn hóa hoàn toàn mới, hoàn toàn xa lạ, thì chúng ta sẽ bị rơi vào tình huống:

Tây chẳng phải Tây, Đông chẳng Đông
Quý quái sinh ra lũ cuồng nông
Mồ mả tổ tiên cày xới hết
Đình chùa miếu mạo pháp bằng không
Ông bà xem nhẹ hơn con lợn
Bố mẹ coi như khúc gỗ thông
Phẳng phát non sông hồn Lạc Việt
Bốn nghìn tuổi sử tử hay không?!

Tóm lại, như tôi đã nói ở trên, mẹ tôi, sư phụ tôi, sư bá tôi, sư tổ tôi đều đã chết thảm, nay đến lượt tôi nếu lại chết thảm, thì xin góp thêm một giọt máu nữa vào trang sử đau thương của dân tộc.

*Viết tại xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình
Tháng 1 năm 1992
(Ngày 14 tháng 12 năm Tân Mùi)
Kỷ niệm năm thứ 10 bị quản thúc lưu đày...*

Thích Quảng Độ
Tổng thư ký Viện Hóa Đạo
Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất

Nhập lưu
Kho dữ liệu Thư Viện Hoa Sen
01-01-1994
Định dạng PDF